

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN 1**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTW ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học. Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Dược học cổ truyền
- * Tiếng Việt: Dược học cổ truyền
- * Tiếng Anh: Traditional pharmacy
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 4118
- Số tín chỉ: 3TC (LT 2,5; TH: 0,5 TC)
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Dược liệu
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 38 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Dược cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên



TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	duoclieuvutm@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3]	Mức độ [4]
	Kiến thức		
MT1	<i>Trình bày được nội dung của một số học thuyết chính: Âm dương; Ngũ hành, tạng tượng, nguyên nhân, phép tắc chữa bệnh của đông y và vận dụng được vào chế biến, sử dụng thuốc an toàn hiệu quả.</i>	[CDR2]; [CDR3];	3
MT2	<i>Trình bày được công năng chủ trị, kiêng kị, cấm kị của các vị thuốc chính và các phương thuốc chính.</i>	[CDR2]; [CDR3];	3
MT3	<i>Trình bày được mục đích chế, các nguyên tắc của phương pháp hỏa chế, thủy chế, thủy hỏa hợp chế, ý nghĩa của các phụ liệu dùng để chế.</i>	[CDR2]; [CDR3];	3
	Kỹ năng		
MT4	Nhận thức, bào chế và phân tích được một số vị thuốc chính trong chương trình.	[CDR3]; [CDR4]; [CDR5];	3

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3]	Mức độ [4]
	<i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</i>		
MT5	5. Nhận thức được tầm quan trọng của các học thuyết YHCT	[CDR9]	3
MT6	Nhận thức được vai trò của việc sử dụng thuốc YHCT trong điều trị bệnh.	[CDR10]	3
MT7	7. Nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển thuốc YHCT.	[CDR11];	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được nội dung của một số học thuyết chính: Âm dương; Ngũ hành, tạng tượng, nguyên nhân, phép tắc chữa bệnh của đông y và vận dụng được vào chế biến, sử dụng thuốc an toàn hiệu quả.	CDR1: Trình bày được nội dung của một số học thuyết chính: Âm dương; Ngũ hành, tạng tượng, nguyên nhân, phép tắc chữa bệnh của đông y và vận dụng được vào chế biến, sử dụng thuốc an toàn hiệu quả.
MT2: Trình bày được công năng chủ trị, kiêng kỵ, cấm kỵ của các vị thuốc chính và các phương thuốc chính.	CDR 2: Trình bày được công năng chủ trị, kiêng kỵ, cấm kỵ của các vị thuốc chính và các phương thuốc chính.
MT3: Trình bày được mục đích chế, các nguyên tắc của phương pháp hỏa chế, thủy chế, thủy hỏa hợp chế, ý	CDR 3: Trình bày được mục đích chế, các nguyên tắc của phương pháp hỏa chế, thủy chế, thủy hỏa hợp chế, ý nghĩa của các phụ liệu dùng

nghĩa của các phụ liệu dùng để chế.	để chế.
Kỹ năng	
MT4: Nhận thức, bào chế và phân tích được một số vị thuốc chính trong chương trình.	CĐR4: Nhận thức, bào chế và phân tích được một số vị thuốc chính trong chương trình.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Nhận thức được tầm quan trọng của các học thuyết YHCT	CĐR 5: Nhận thức được tầm quan trọng của các học thuyết YHCT
MT6: Nhận thức được vai trò của việc sử dụng thuốc YHCT trong điều trị bệnh.	CĐR 6: Nhận thức được vai trò của việc sử dụng thuốc YHCT trong điều trị bệnh.
MT7: Nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển thuốc YHCT.	CĐR7: Nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển thuốc YHCT.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR7
1. Sơ lược về sự hình thành nền YHCTVN	2	3	3		2		2
2. Một số học thuyết YHCT	2	3	3		2		2
3. Nguyên nhân bệnh và phương pháp chẩn đoán theo YHCT	2	3	3		3	2	2
4. Bát cương, bát pháp	3	2	2		2	2	3
5. Phép tắc trị bệnh và nội dung phương thuốc cổ truyền	2	2	3		2	2	3

6. Đại cương về thuốc YHCT	2	3	3		2	2	2
7. Phân loại thuốc cổ truyền		2	2		2	2	2
8. Chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền	3	2	2			2	2
9. Thực hành				3	2	2	2

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

Học phần Dược học cổ truyền dành cho đối tượng Dược sĩ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung về sự hình thành nền YHCTVN; một số học thuyết YHCT chính; các nguyên nhân gây bệnh và phương pháp chẩn đoán theo YHCT; bát cương, bát pháp; phép tắc trị bệnh và nội dung phương thuốc cổ truyền. Học phần cũng cung cấp cho người học các nội dung về định nghĩa thuốc YHCT, nguồn gốc, tính năng dược vật, cấm kỵ của thuốc YHCT và tính vị, tác dụng, chỉ định, chống chỉ định và liều lượng các vị thuốc YHCT, các vị thuốc nam và các phương thuốc thường dùng trong cộng đồng; các phương pháp chế biến thuốc cổ truyền. Từ đó người học có thể nhận biết, phân loại được các nhóm thuốc và vị thuốc YHCT, có kỹ năng chế biến các vị thuốc, một số dạng thuốc YHCT và thực hiện tư vấn và hướng dẫn sử dụng các thuốc YHCT an toàn, hiệu quả, hợp lý.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
I. . Sơ lược về sự hình thành nền YHCTVN	0.5			0.5		Chuẩn bị bài, đọc nội dung bài học trước khi đến lớp
II. . Một số học thuyết YHCT	3.5			3.5		
III. Nguyên nhân bệnh và phương pháp chẩn đoán theo YHCT	2			2		
IV.						
V.						

IV. Bát cương, bát pháp	1			1	
V. Phép tắc trị bệnh và nội dung phương thuốc cổ truyền	2			2	
VI. Đại cương về thuốc YHCT	3			3	
VII. Phân loại thuốc cổ truyền	22			22	
VIII. Chế biến thuốc theo phương pháp cổ truyền	4			4	
IX. Thực hành		16		16	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền* – Sách đào tạo Dược sỹ đại học, NXB Y học, Hà Nội
2. TS.Nguyễn Đức Quang (2019) – *Bào chế Đông dược* – NXB Y học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Hà Nội (1994), *Y học cổ truyền*, NXB Y học
2. Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1995), *Hải Thượng y tông tâm lĩnh*, NXB Y học
3. Hội Y học cổ truyền thành phố Hồ Chí Minh (1994), *Tuệ Tĩnh toàn tập*, Nhà in QI
4. Hoàng Duy Tân, Trần Văn Nhù (1995), *Tuyển tập phương thang đông y*, NXB Đồng Nai
5. Phạm Xuân Sinh (1999), *Phương pháp chế biến thuốc cổ truyền*, NXB Y học
6. Tuệ Tĩnh (1996), *Nam dược thần hiệu*, NXB Y học
7. Hoàng Bảo Châu (1998), *Phương thuốc cổ truyền*, NXB Y học
8. Trần Trung Nam, Vũ Văn Chuyên (1998), *Những bài thuốc y học cổ truyền Trung Hoa*, NXB Y học
9. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược*, NXB Y học, Hà Nội
10. Viện Dược liệu (1993), *Tài nguyên cây thuốc Việt Nam*, NXB Khoa học kỹ thuật
11. Viện Dược liệu (2004), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, tập I, II, NXB Khoa học kỹ thuật
12. Bộ y tế (2011), *Sổ tay tra cứu đông dược*, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần học	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
01	8					
02	8					
03	8					
04	8					
05	7					
06	7					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 4 đến CDR 7.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên (nếu có), thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần (lý thuyết)	Điều kiện dự thi kết thúc học phần	Tham gia dự lớp tối thiểu 80% số tiết học	CDR 4 đến CDR 7
	Điểm chuyên cần (thực hành)		Tham dự 100% số buổi thực hành	
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,			
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Thi trắc nghiệm trên máy tính	100% điểm phần lý thuyết	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CDR 1 đến CDR 3

12.3. Điểm học phần

Điểm phần lý thuyết: Thi trắc nghiệm trên máy tính

Thực hành: Thi thực hành (không dưới 4/10)

Điểm học phần = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN



Nguyễn Văn Quát
Nguyễn Văn Quân

A blue signature in cursive script.

Trần Thị Thu Hiền



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN 1**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học. Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Dược học cổ truyền
- * Tiếng Việt: Dược học cổ truyền
- * Tiếng Anh: Traditional pharmacy
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 4118
- Số tín chỉ: 3TC (LT 2,5; TH: 0,5 TC)
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghệ <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Dược liệu
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 8 tiết
 - + Thực hành : 8 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Dược cổ truyền



2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	duoclieuvutm@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3]	Mức độ [4]
	Kiến thức		
MT1	<i>Trình bày được nội dung của một số học thuyết chính: Âm dương; Ngũ hành, tạng tượng, nguyên nhân, phép tắc chữa bệnh của đông y và vận dụng được vào chế biến, sử dụng thuốc an toàn hiệu quả.</i>	[CDR2]; [CDR3];	3
MT2	<i>Trình bày được công năng chủ trị, kiêng kỵ, cấm kỵ của các vị thuốc chính và các phương thuốc chính.</i>	[CDR2]; [CDR3];	3
MT3	<i>Trình bày được mục đích chế, các nguyên tắc của phương pháp hỏa chế, thủy chế, thủy hỏa hợp chế, ý nghĩa của các phụ liệu dùng để chế.</i>	[CDR2]; [CDR3];	3
	Kỹ năng		
MT4	Nhận thức, bào chế và phân tích được một số vị thuốc chính trong chương trình.	[CDR3]; [CDR4]; [CDR5];	3

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3]	Mức độ [4]
	<i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</i>		
MT5	5. Nhận thức được tầm quan trọng của các học thuyết YHCT	[CDR9]	3
MT6	Nhận thức được vai trò của việc sử dụng thuốc YHCT trong điều trị bệnh.	[CDR10]	3
MT7	7. Nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển thuốc YHCT.	[CDR11];	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được nội dung của một số học thuyết chính: Âm dương; Ngũ hành, tạng tượng, nguyên nhân, phép tắc chữa bệnh của đông y và vận dụng được vào chế biến, sử dụng thuốc an toàn hiệu quả.	CDR1: Trình bày được nội dung của một số học thuyết chính: Âm dương; Ngũ hành, tạng tượng, nguyên nhân, phép tắc chữa bệnh của đông y và vận dụng được vào chế biến, sử dụng thuốc an toàn hiệu quả.
MT2: Trình bày được công năng chủ trị, kiêng kỵ, cấm kỵ của các vị thuốc chính và các phương thuốc chính.	CDR 2: Trình bày được công năng chủ trị, kiêng kỵ, cấm kỵ của các vị thuốc chính và các phương thuốc chính.
MT3: Trình bày được mục đích chế, các nguyên tắc của phương pháp	CDR 3: Trình bày được mục đích chế, các nguyên tắc của phương pháp hỏa chế, thủy chế,

hòa chế, thủy chế, thủy hòa hợp chế, ý nghĩa của các phụ liệu dùng để chế.	thủy hòa hợp chế, ý nghĩa của các phụ liệu dùng để chế.
Kỹ năng	
MT4: Nhận thức, bào chế và phân tích được một số vị thuốc chính trong chương trình.	CDR4: Nhận thức, bào chế và phân tích được một số vị thuốc chính trong chương trình.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Nhận thức được tầm quan trọng của các học thuyết YHCT	CDR 5: Nhận thức được tầm quan trọng của các học thuyết YHCT
MT6: Nhận thức được vai trò của việc sử dụng thuốc YHCT trong điều trị bệnh.	CDR 6: Nhận thức được vai trò của việc sử dụng thuốc YHCT trong điều trị bệnh.
MT7: Nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển thuốc YHCT.	CDR7: Nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển thuốc YHCT.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR7
1. Sơ lược về sự hình thành nền YHCTVN	2	3	3		2		2
2. Một số học thuyết YHCT	2	3	3		2		2
3. Nguyên nhân bệnh và phương pháp chẩn đoán theo YHCT	2	3	3		3	2	2
4. Bát cương, bát pháp	3	2	2		2	2	3
5. Phép tắc trị bệnh và nội dung phương	2	2	3		2	2	

2	Chế biến thuốc YHCT: sao thuốc	3	0,5	0	0	0,5	
3	Chế biến thuốc YHCT: Trích	3	0,5	0	0	0,5	
4	Chế biến thuốc YHCT: Trích	3	0,5	0	0	0,5	

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế (2014), *Dược học cổ truyền* – Sách đào tạo Dược sỹ đại học, NXB Y học, Hà Nội
2. TS.Nguyễn Đức Quang (2019) – *Bào chế Đông dược* – NXB Y học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ môn Y học cổ truyền – Trường Đại học Y Hà Nội (1994), *Y học cổ truyền*, NXB Y học
2. Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1995), *Hải Thượng y tông tâm lĩnh*, NXB Y học
3. Hội Y học cổ truyền thành phố Hồ Chí Minh (1994), *Tuệ Tĩnh toàn tập*, Nhà in QI
4. Hoàng Duy Tân, Trần Văn Nhủ (1995), *Tuyển tập phương thang đông y*, NXB Đồng Nai
5. Phạm Xuân Sinh (1999), *Phương pháp chế biến thuốc cổ truyền*, NXB Y học
6. Tuệ Tĩnh (1996), *Nam dược thần hiệu*, NXB Y học
7. Hoàng Bảo Châu (1998), *Phương thuốc cổ truyền*, NXB Y học
8. Trần Trung Nam, Vũ Văn Chuyên (1998), *Những bài thuốc y học cổ truyền Trung Hoa*, NXB Y học
9. Viện Y học cổ truyền Việt Nam (1993), *Phương pháp bào chế và sử dụng đông dược*, NXB Y học, Hà Nội
10. Viện Dược liệu (1993), *Tài nguyên cây thuốc Việt Nam*, NXB Khoa học kỹ thuật
11. Viện Dược liệu (2004), *Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam*, tập I, II, NXB Khoa học kỹ thuật
12. Bộ y tế (2011), *Sổ tay tra cứu đông dược*, NXB Y học

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành

Tuần học	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
02	4					
03	4					
04	4					
05	4					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 4 đến CDR 7.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên (nếu có), thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần (lý thuyết)	Điều kiện dự thi kết thúc học phần	Tham gia dự lớp tối thiểu 80% số tiết học	CDR 4 đến CDR 7
	Điểm chuyên cần (thực hành)		Tham dự 100% số buổi thực hành	
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,			
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Thi trắc nghiệm trên máy tính	100% điểm phần lý thuyết	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CDR 1 đến CDR 3

12.3. Điểm học phần

Điểm phần lý thuyết: Thi trắc nghiệm trên máy tính

Thực hành: Thi thực hành (không dưới 4/10)

Điểm học phần = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

BỘ MÔN

Trần Thị Thu Hiền



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học. Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Dược học cổ truyền 2
- * Tiếng Việt: Dược học cổ truyền 2
- * Tiếng Anh: Traditional pharmacy 2
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 5128
- Số tín chỉ: 1TC (LT 0,5; TH: 0,5 TC)
- Đối tượng học (năm thứ): 5/5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: : Dược liệu 1, 2; Y lý YHCT, Dược cổ truyền 1
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Lý thuyết: 08 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Dược cổ truyền



2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	duoclieuvutm@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3]	Mức độ [4]
	Kiến thức		
MT1	<i>Trình bày được đại cương về bài thuốc y học cổ truyền: khái niệm, thành phần, cách xác định các thành phần trong bài thuốc YHCT</i>	[CDR2]; [CDR3];	3
MT2	<i>Trình bày được khái niệm về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT</i>	[CDR2]; [CDR3]; [CDR4]	3
MT3	<i>Trình bày được các nghiên cứu về tác dụng dược lý, công năng chủ trị, kiêng kị, cấm kị của một số nhóm thuốc, các vị thuốc chính và các phương thuốc chính.</i>	[CDR4]; [CDR5];	3
	Kỹ năng		
MT4	<i>4. Phân tích được một số phương thuốc trong chương trình và lập phương thuốc</i>	[[CDR9]	3

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3]	Mức độ [4]
	<i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</i>		
MT5	5. Nhận thức được tầm quan trọng, ảnh hưởng của cây độc trong YHCT	[CDR9]	3
MT6	Nhận thức được vai trò của việc sử dụng thuốc YHCT trong điều trị bệnh.	[CDR10]	3
MT7	7. Nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển thuốc YHCT.	[CDR11]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đại cương về bài thuốc y học cổ truyền: khái niệm, thành phần, cách xác định các thành phần trong bài thuốc YHCT	CDR1: Trình bày được đại cương về bài thuốc y học cổ truyền: khái niệm, thành phần, cách xác định các thành phần trong bài thuốc YHCT
MT2: . Trình bày được khái niệm về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT	CDR 2: Trình bày được khái niệm về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT
MT3: Trình bày được các nghiên cứu về tác dụng dược lý, công năng chủ trị, kiêng kỵ, cấm kỵ của một số nhóm thuốc, các vị thuốc chính và các phương thuốc	CDR 3: Trình bày được các nghiên cứu về tác dụng dược lý, công năng chủ trị, kiêng kỵ, cấm kỵ của một số nhóm thuốc, các vị thuốc chính và các phương thuốc chính.

chính.	
Kỹ năng	
MT4: Phân tích được một số phương thuốc trong chương trình và lập phương thuốc	CĐR4: Phân tích được một số phương thuốc trong chương trình và lập phương thuốc
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Nhận thức được tầm quan trọng, ảnh hưởng của cây độc trong YHCT	CĐR 5: Nhận thức được tầm quan trọng, ảnh hưởng của cây độc trong YHCT
MT6: Nhận thức được vai trò của việc sử dụng thuốc YHCT trong điều trị bệnh.	CĐR 6: Nhận thức được vai trò của việc sử dụng thuốc YHCT trong điều trị bệnh.
MT7: Nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển thuốc YHCT.	CĐR7: Nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển thuốc YHCT.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR 3	CĐR 4	CĐR 5	CĐR 6	CĐR7
1. Đại cương về bài thuốc YHCT	2	3	3		2	2	2
2. Cây độc và tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền	2	3	3		2	2	2
3. Thực hành				3	2	2	

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Học phần Dược học cổ truyền 2 dành cho đối tượng Dược sĩ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung kiến thức nâng cao, sâu hơn cây độc và tác dụng

cấp cho người học các nội dung kiến thức nâng cao, sâu hơn cây độc và tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT; phân tích phương thuốc và chế biến một số vị thuốc cổ truyền, kiểm nghiệm thuốc trước và sau chế biến

Từ đó người học có thể nhận biết được các cây độc, biết cách phân tích phương thuốc và chế biến một số vị thuốc cổ truyền, biết kiểm nghiệm thuốc trước và sau chế biến.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
I. . Đại cương về bài thuốc YHCT	4	16		4		Chuẩn bị bài, đọc nội dung bài học trước khi đến lớp
II. Cây độc và tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền	4			4		SV làm tiểu luận
Tổng quan nghiên cứu về vị thuốc YHCT						

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế - Vụ Khoa học và Đào tạo (2006), *Dược học cổ truyền*, NXB Y học, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1995), *Hải Thượng y tông tâm lĩnh*, NXB Y học.

2. Hội Y học cổ truyền thành phố Hồ Chí Minh (1994), *Tuệ Tĩnh toàn tập*, Nhà in QI

3. Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam V*, NXB Y học, Hà Nội.

4. Phạm Xuân Sinh (1999), *Phương pháp chế biến thuốc cổ truyền*, NXB Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần học	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	

01	4					
02	4					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 4 đến CDR 7.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên (nếu có), thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần (lý thuyết)	Điều kiện dự thi kết thúc học phần	Tham gia dự lớp tối thiểu 80% số tiết học	CĐR 4 đến CĐR 7
	Điểm chuyên cần (thực hành)		Tham dự 100% số buổi thực hành	
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,			
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Làm tiểu luận	100% điểm phần lý thuyết	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần

Điểm phần lý thuyết: Làm tiểu luận

Thực hành: báo cáo thực hành

Điểm học phần = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

Nguyễn Xuân Cảnh
Nguyễn Văn Lâm

Trần Thị Thu Hiền



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
DƯỢC HỌC CỔ TRUYỀN 2**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

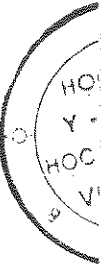
Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học. Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Dược học cổ truyền 2
- * Tiếng Việt: Dược học cổ truyền 2
- * Tiếng Anh: Traditional pharmacy 2
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 5128
- Số tín chỉ: 1TC (LT 0,5; TH: 0,5 TC)
- Đối tượng học (năm thứ): 5
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input checked="" type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: : Dược liệu 1, 2; Y lý YHCT, Dược cổ truyền 1
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết
 - + Thực hành: 08 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Dược cổ truyền



2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trần Thị Thu Hiền	0915380664	duoclieuvutm@gmail.com
2	ThS. Lê Thị Thu Hà	0986621299	lethuhadhn2906@gmail.com
3	Các Giảng viên mời giảng theo nhu cầu của Bộ môn		

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CDR của CTĐT [3]	Mức độ [4]
	Kiến thức		
MT1	<i>Trình bày được đại cương về bài thuốc y học cổ truyền: khái niệm, thành phần, cách xác định các thành phần trong bài thuốc YHCT</i>	[CDR2]; [CDR3];	3
MT2	<i>Trình bày được khái niệm về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT</i>	[CDR2]; [CDR3]; [CDR4]	3
MT3	<i>Trình bày được các nghiên cứu về tác dụng dược lý, công năng chủ trị, kiêng kị, cấm kị của một số nhóm thuốc, các vị thuốc chính và các phương thuốc chính.</i>	[CDR4]; [CDR5];	3
	Kỹ năng		
MT4	<i>4. Phân tích được một số phương thuốc trong chương trình và lập phương thuốc</i>	[[CDR9]	3

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT [3]	Mức độ [4]
	<i>Mức độ tự chủ và trách nhiệm</i>		
MT5	<i>5. Nhận thức được tầm quan trọng, ảnh hưởng của cây độc trong YHCT</i>	[CĐR9]	3
MT6	<i>Nhận thức được vai trò của việc sử dụng thuốc YHCT trong điều trị bệnh.</i>	[CĐR10]	3
MT7	<i>7. Nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển thuốc YHCT.</i>	[CĐR11]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CĐR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CĐR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Trình bày được đại cương về bài thuốc y học cổ truyền: khái niệm, thành phần, cách xác định các thành phần trong bài thuốc YHCT	CĐR1: Trình bày được đại cương về bài thuốc y học cổ truyền: khái niệm, thành phần, cách xác định các thành phần trong bài thuốc YHCT
MT2: . Trình bày được khái niệm về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT	CĐR 2: Trình bày được khái niệm về cây độc, đặc điểm chất độc trong cây, các nhóm chất độc trong cây và ảnh hưởng đối với con người và động vật; tác dụng không mong muốn của thuốc YHCT
MT3: Trình bày được các nghiên cứu về tác dụng dược lý, công năng chủ trị, kiêng kỵ, cấm kỵ của một số nhóm thuốc, các vị thuốc chính và các phương thuốc	CĐR 3: Trình bày được các nghiên cứu về tác dụng dược lý, công năng chủ trị, kiêng kỵ, cấm kỵ của một số nhóm thuốc, các vị thuốc chính và các phương thuốc chính.

chính.	
Kỹ năng	
MT4: Phân tích được một số phương thuốc trong chương trình và lập phương thuốc	CDR4: Phân tích được một số phương thuốc trong chương trình và lập phương thuốc
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Nhận thức được tầm quan trọng, ảnh hưởng của cây độc trong YHCT	CDR 5: Nhận thức được tầm quan trọng, ảnh hưởng của cây độc trong YHCT
MT6: Nhận thức được vai trò của việc sử dụng thuốc YHCT trong điều trị bệnh.	CDR 6: Nhận thức được vai trò của việc sử dụng thuốc YHCT trong điều trị bệnh.
MT7: Nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển thuốc YHCT.	CDR7: Nhận thức được vai trò quan trọng của việc bảo vệ và phát triển thuốc YHCT.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR 3	CDR 4	CDR 5	CDR 6	CDR7
1. Đại cương về bài thuốc YHCT	2	3	3		2	2	2
2. Cây độc và tác dụng không mong muốn của thuốc cổ truyền	2	3	3		2	2	2
3. Thực hành				3	2	2	

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần*)

Học phần Dược học cổ truyền 2 dành cho đối tượng Dược sĩ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, giữ vai trò then chốt trong việc cung cấp cho người học các nội dung kiến thức nâng cao, sâu hơn cây độc và tác dụng

mong muốn của thuốc YHCT; phân tích phương thuốc và chế biến một số vị thuốc cổ truyền, kiểm nghiệm thuốc trước và sau chế biến

Từ đó người học có thể nhận biết được các cây độc, biết cách phân tích phương thuốc và chế biến một số vị thuốc cổ truyền, biết kiểm nghiệm thuốc trước và sau chế biến.

7. Nội dung chi tiết học phần

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Hỏi đáp	Báo cáo/Seminar	
1	Chế biến cao thuốc YHCT	3	0,5	0	0	0,5	0
2	Chế biến chè thuốc YHCT	3	0,5	0	0	0,5	0
3	Semina các vị thuốc YHCT	0,5	0,5	0	1	2	0
4	Semina các chế phẩm YHCT	0,5	0,5	0	1	2	0

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Bộ Y tế - Vụ Khoa học và Đào tạo (2006), *Dược học cổ truyền*, NXB Y học, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1995), *Hải Thượng y tông tâm lĩnh*, NXB Y học.

2. Hội Y học cổ truyền thành phố Hồ Chí Minh (1994), *Tuệ Tĩnh toàn tập*, Nhà in QI

3. Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam V*, NXB Y học, Hà Nội.

4. Phạm Xuân Sinh (1999), *Phương pháp chế biến thuốc cổ truyền*, NXB Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành

Tuần học	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	

02	4					
03	4					
04	4					
05	4					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 3.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 4 đến CDR 7.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học..

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
 - Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên (nếu có), thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần (lý thuyết)	Điều kiện dự thi kết thúc học phần	Tham gia dự lớp tối thiểu 80% số tiết học	CĐR 4 đến CĐR 7
	Điểm chuyên cần (thực hành)		Tham dự 100% số buổi thực hành	.
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,			
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Làm tiểu luận	100% điểm phần lý thuyết	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm học phần

Điểm phần lý thuyết: Làm tiểu luận

Thực hành: báo cáo thực hành

Điểm học phần = (điểm lý thuyết x 2 + điểm thực hành)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.

✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN



Nguyễn Thị Thu Hiền
Nguyễn Văn Hùng

Trần Thị Thu Hiền

Trần Thị Thu Hiền



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DƯỢC LÂM SÀNG 1**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 398/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Ngành Dược trình độ đại học; Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần/ mô đun: Dược lâm sàng 1
- * Tiếng Việt: Dược lâm sàng 1
- * Tiếng Anh: Clinical Pharmacy 1
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 4119
- Số tín chỉ: LT: 1,5; TH: 0,5
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ tư
- Vị trí của học phần/mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghệ <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Dược lý 2, Hoá dược.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

+ Lý thuyết: 23 tiết Thực hành: 15 tiết

+ Bài tập:

+ Thảo luận, hoạt động nhóm:

+ Kiểm tra:

+ Thời gian tự học:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược lâm sàng



2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	hongsamdo@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Duy Thức	0913540042	duythuc07@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Hào	0988264429	haohaobn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Hiểu biết được một số vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc.	[2] [3] [6] [7] [9]	3
MT2	Phân tích và nhận định một số kết quả của một số xét nghiệm lâm sàng thông dụng.	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT3	Giải thích được việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi căn bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT4	Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong việc đánh giá một số vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc: phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc. Chú ý việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi căn	[10] [11]	4

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Hiểu biết được một số vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc như dược động học, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc.	CDR1: Hiểu biết được các kiến thức về dược động học của thuốc, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc khi sử dụng thuốc trong điều trị.
Kỹ năng	
MT2: Phân tích và nhận định một số kết quả của một số xét nghiệm lâm sàng thông dụng. MT3: Giải thích được việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi căn bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.	CDR2: Đánh giá được một số kết quả xét nghiệm cận lâm sàng cơ bản và phân tích được các vấn đề liên quan đến lĩnh vực dược, đưa ra các giải pháp phù hợp với vấn đề thực tiễn trong điều trị bằng thuốc cho bệnh nhân thông thường và bệnh nhân có thay đổi về sinh lý và bệnh lý.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm	CDR3: Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức và an toàn trong thực hành nghề nghiệp. Nhận thức đúng về vai trò người dược sĩ. Thường xuyên học tập nâng

trong việc đánh giá một số vấn đề cơ bản liên quan đến quá trình sử dụng thuốc: phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc. Chú ý việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi căn bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.	cao trình độ chuyên môn; có năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội.
--	--

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần		
	CDR1	CDR2	CDR3
Phần 1. Bài mở đầu - Giới thiệu môn học - Các nguyên tắc đánh giá sử dụng thuốc hợp lý	3	2	3
Phần 2. Xét nghiệm LS và nhận định kết quả	3	2	3
Phần 3. Tương tác thuốc	3	2	3
Phần 4. Phản ứng bất lợi của thuốc	3	2	3
Phần 5. Dị ứng thuốc	3	2	3
Phần 6. Thông tin thuốc	3	2	3

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Dược lâm sàng là một môn học của ngành Dược nhằm tối ưu hóa việc sử dụng thuốc trong điều trị và phòng bệnh trên cơ sở những kiến thức về Dược và Y – Sinh học. Học phần Dược lâm sàng 1 gồm các khối kiến thức chính sau:

Phần 1. Bài mở đầu - Giới thiệu môn học - Các nguyên tắc đánh giá sử dụng thuốc hợp lý:

Dược lâm sàng là một môn học rất trẻ so với các môn học truyền thống đã có của ngành dược như Bào chế, Hóa dược, Dược liệu... Môn học này được khai sinh ở Mỹ vào những năm 60 của thế kỷ XX và đến nay đã trở thành môn học chính thức trong chương trình đào tạo Dược sĩ của nhiều nước trên thế giới.

Sử dụng thuốc hợp lý là mục tiêu của môn Dược lâm sàng. Để đạt được mục tiêu này trách nhiệm trực tiếp thuộc về 3 đối tượng: Bác sĩ (người kê đơn), dược sĩ lâm sàng và người sử dụng thuốc đóng vai trò là cầu nối giữa bác sĩ – người đưa ra y lệnh và người sử dụng – người phải thực hiện y lệnh.

Phần 2. Xét nghiệm LS và nhận định kết quả.

Làm công tác dược lâm sàng, người dược sĩ cần biết ý nghĩa và nhận định kết quả một số xét nghiệm lâm sàng thường gặp để giúp cho việc sử dụng thuốc hợp lý, an toàn, phát hiện kịp thời những tác dụng không mong muốn trong quá trình điều trị người bệnh. Nội dung phần này đề cập đến một số xét nghiệm sinh hóa và huyết học liên quan nhiều đến đánh giá và sử dụng thuốc trong điều trị.

Phần 3. Tương tác thuốc.

Tương tác thuốc là hiện tượng xảy ra khi nhiều thuốc được sử dụng đồng thời. Sự phối hợp này làm thay đổi tác dụng hoặc độc tính của một trong những thứ thuốc đó.

Trong đa số trường hợp, người thầy thuốc chủ động phối hợp thuốc nhằm lợi dụng tương tác thuốc theo hướng có lợi để tăng hiệu quả điều trị, giảm tác dụng phụ hoặc để giải độc thuốc. Thế nhưng, trong thực tế điều trị có những tình huống hoàn toàn bất ngờ: cùng một thuốc ở mức liều điều trị mà khi phối hợp thuốc này lại giảm hoặc mất tác dụng; ngược lại, dùng với thuốc kia thì lại xảy ra ngộ độc. Tỷ lệ tương tác thuốc tăng theo cấp số nhân với số lượng thuốc phối hợp, có nghĩa là nguy cơ rủi ro, thất bại cũng tăng theo.

Chính vì vậy, người dược sĩ lâm sàng phải có những kiến thức nhất định về tương tác thuốc để có thể cố vấn cho bác sĩ khi kê đơn và hướng dẫn người bệnh dùng thuốc.

Phần 4. Phản ứng bất lợi của thuốc.

Trong quá trình sử dụng thuốc, bên cạnh những lợi ích to lớn trong phòng ngừa và điều trị bệnh, bản thân thuốc cũng có thể gây ra những phản ứng bất lợi, những bệnh lý nghiêm trọng, thậm chí gây tử vong cho người dùng thuốc. Với sự ra đời nhanh chóng của các sản phẩm mới, ADR ngày càng trở thành một vấn đề quan trọng, ảnh hưởng đến việc sử dụng thuốc của các thầy thuốc trên lâm sàng.

Do vậy, việc sử dụng thuốc hợp lý, phòng ngừa và xử trí, báo cáo sớm các ADR sẽ góp phần nâng cao chất lượng chăm sóc bệnh nhân, giảm tỷ lệ mắc bệnh và tử vong do thuốc.

Phần 5. Dị ứng thuốc.

Dị ứng thuốc là một kiểu dị ứng mà tác nhân gây ra là thuốc với hậu quả là các phản ứng, các hội chứng xuất hiện trong hoặc sau quá trình sử dụng thuốc, ảnh hưởng tới sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng người bệnh.

Chuyên đề này sẽ trình bày những kiến thức cơ bản về định nghĩa, phân loại dị ứng thuốc, các nguyên tắc xử trí và các biện pháp dự phòng nhằm hạn chế các trường hợp dị ứng thuốc.

Phần 6. Thông tin thuốc.

Thông tin thuốc là các thông tin gắn liền với thuốc, các thông tin này thường được in trong các tài liệu tham khảo hay còn gọi là nguồn thông tin. Ngày nay, khi nói đến thông tin thuốc là nói đến vai trò chuyên môn hóa của người dược sĩ cũng như nói đến một hệ thống thông tin hoạt động với các chức trách riêng biệt.

Sự phát triển của các trung tâm thông tin thuốc và các chuyên gia thông tin thuốc là điểm khởi đầu của khái niệm Dược lâm sàng, đặt nền tảng để các dược sĩ chia sẻ trách nhiệm với các bác sĩ trong việc sử dụng thuốc cho bệnh nhân.

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương (Phần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên	
		Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)		
		LT	TH	BT TL KT	Tổng cộng			
Phần 1. Bài mở đầu - Giới thiệu môn học - Các nguyên tắc đánh giá sử dụng thuốc hợp lý.	GIỚI THIỆU MÔN HỌC 1. ĐỊNH NGHĨA 2. MỤC TIÊU CƠ BẢN CỦA MÔN HỌC 3. VÀI NÉT VỀ SỰ RA ĐỜI VÀ PHÁT TRIỂN CỦA MÔN DƯỢC LÂM SÀNG 4. VÀI NÉT VỀ HOẠT ĐỘNG DƯỢC LÂM SÀNG TRÊN THẾ GIỚI 5. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DƯỢC LÂM SÀNG TẠI VIỆT NAM CÁC NGUYÊN TẮC ĐÁNH GIÁ SỬ DỤNG THUỐC HỢP LÝ 1. CÁC TIÊU CHUẨN ĐỂ LỰA CHỌN THUỐC HỢP LÝ 1.1. Hiệu quả 1.2. An toàn 1.3. Tiện dụng 1.4. Kinh tế 1.5. Sẵn có					04	04	Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.

	<p>2. CÁC BƯỚC CẦN LÀM ĐỂ LỰA CHỌN THUỐC HỢP LÝ.</p> <p>3. CÁC CHỈ TIÊU QUY ĐỊNH NHẪM ĐẢM BẢO SỬ DỤNG THUỐC HỢP LÝ</p> <p>3.1. Các chỉ tiêu về kê đơn</p> <p>3.2. Các chỉ tiêu về chăm sóc bệnh nhân</p> <p>3.3. Chỉ tiêu đối với y tế cơ sở</p> <p>4. KẾT LUẬN.</p>						
<p>Phần 2. Xét nghiệm LS và nhận định kết quả.</p>	<p>1. Hệ thống SI trong y học.</p> <p>2. Cách chuyển đổi sang hệ SI trong y học.</p> <p>3. Một số xét nghiệm hóa sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Creatinin huyết thanh. - Hệ số thanh thải creatinin (Cl_{CR}). - Ure. - Glucose. - Acid uric. - Protein huyết thanh. - Enzym: + CK + ASAT + ALAT + Phosphatase kiềm - Bilirubin. <p>4. Một số xét nghiệm huyết học</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồng cầu: + Hematocrit + Hemoglobin + Chi số hồng cầu + Hồng cầu lưới + Tốc độ máu lắng - Bạch cầu: 	<p>04</p>		<p>04</p>			<p>Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>

	<p>+ Bạch cầu hạt trung tính. + Bạch cầu đa nhân ưa acid. + Bạch cầu đa nhân ưa base + Bạch cầu mono + Bạch cầu lympho + Tiểu cầu. - Một số xét nghiệm đông máu: + Thời gian Prothrombin. + Thời gian thromboplastin hoạt hóa từng phần.</p> <p>KẾT LUẬN</p>					
<p>Phần 3. Tương tác thuốc.</p>	<p>1. TƯƠNG TÁC THUỐC – THUỐC 1.1. Khái niệm chung 1.2. Phân loại tương tác thuốc 1.2.1. Tương tác dược lực học 1.2.2. Tương tác dược động học 2. TƯƠNG TÁC THUỐC - THỨC ĂN – NƯỚC UỐNG 2.1. Khái niệm chung 2.2. Ảnh hưởng của thức ăn đến thuốc 2.2.1. Thức ăn làm thay đổi dược động học của thuốc 2.2.2. Thức ăn làm thay đổi tác dụng và độc tính của thuốc 2.3. Ảnh hưởng của đồ uống đến thuốc 3. HƯỚNG DẪN THỜI GIAN UỐNG THUỐC HỢP LÝ 3.1. Các yếu tố quyết định thời điểm uống thuốc trong ngày 3.1.1. Mục đích dùng thuốc 3.1.2. Dược lý thời khắc</p>	04		04		<p>Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>

	<p>3.1.3. <i>Tương tác thuốc với thức ăn</i></p> <p>3.1.4. <i>Tương tác giữa thuốc với thuốc</i></p> <p>3.2. Các thời điểm uống thuốc</p> <p>3.2.1. <i>Uống vào bữa ăn</i></p> <p>3.2.2. <i>Uống cách xa bữa ăn</i></p> <p>3.2.3. <i>Thuốc có thể uống vào thời điểm nào tùy ý</i></p> <p>4. KẾT LUẬN</p>						
<p>Phần 4. Phản ứng bất lợi của thuốc.</p>	<p>1. ĐỊNH NGHĨA VÀ PHÂN LOẠI PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC</p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Phân loại phản ứng bất lợi của thuốc</p> <p>1.2.1. <i>Phân loại theo tần suất gặp</i></p> <p>1.2.2. <i>Phân loại theo mức độ nặng của bệnh do phản ứng bất lợi của thuốc gây ra</i></p> <p>1.2.3. <i>Phân loại theo typ</i></p> <p>2. NGUYÊN NHÂN GÂY PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC</p> <p>2.1. Các nguyên nhân về bào chế</p> <p>2.1.1. <i>Các nguyên nhân về bào chế gây phản ứng bất lợi của thuốc typ A</i></p> <p>2.1.2. <i>Các nguyên nhân về bào chế gây phản ứng bất lợi của thuốc typ B</i></p> <p>2.2. Các nguyên nhân liên quan đến thay đổi dược động học</p> <p>2.2.1. <i>Các nguyên nhân liên</i></p>	04		04			<p>Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>

	<p><i>quan đến thay đổi dược động học gây ra phản ứng bất lợi của thuốc typ A</i></p> <p><i>2.2.2. Các nguyên nhân liên quan đến thay đổi dược động học gây ra phản ứng bất lợi của thuốc typ B</i></p> <p>2.3. Các nguyên nhân liên quan đến thay đổi dược lực học</p> <p><i>2.3.1. Các nguyên nhân liên quan đến thay đổi dược lực học gây phản ứng bất lợi của thuốc typ A</i></p> <p><i>2.3.2. Các nguyên nhân liên quan đến thay đổi dược lực học gây phản ứng bất lợi của thuốc typ B</i></p> <p>3. CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN ĐẾN SỰ PHÁT SINH PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC</p> <p>3.1. Các yếu tố thuộc về bệnh nhân</p> <p><i>3.1.1. Tuổi</i></p> <p><i>3.1.2. Giới tính</i></p> <p><i>3.1.3. Bệnh mắc kèm</i></p> <p><i>3.1.4. Tiền sử dị ứng hoặc phản ứng với thuốc</i></p> <p>3.2. Các yếu tố thuộc về thuốc</p> <p><i>3.2.1. Điều trị nhiều thuốc</i></p> <p><i>3.2.2. Liệu trình điều trị kéo dài</i></p> <p>4. CÁC BIỆN PHÁP HẠN CHẾ PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC</p> <p>4.1. Hạn chế số thuốc dùng</p>							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

	<p>4.2. Nắm vững thông tin về loại thuốc đang dùng cho bệnh nhân</p> <p>4.3. Nắm vững thông tin về các đối tượng bệnh nhân có nguy cơ cao</p> <p>4.4. Theo dõi sát bệnh nhân, phát hiện sớm các biểu hiện của phản ứng bất lợi do thuốc và có những xử trí kịp thời</p> <p>5. CÁCH XỬ TRÍ KHI NGHI NGỜ XUẤT HIỆN PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC</p> <p>5.1. Sự cố bất lợi có phải do thuốc?</p> <p>5.2. Khi nghi ngờ là phản ứng bất lợi do thuốc</p> <p>6. BÁO CÁO PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC</p> <p>6.1. Sự cần thiết phải giám sát và báo cáo phản ứng bất lợi của thuốc</p> <p>6.2. Vai trò của các báo về phản ứng bất lợi của thuốc</p> <p>6.2.1. <i>Các báo cáo ADR có thể giúp thu hồi các thuốc có độc tính cao và ngăn ngừa các nguy cơ của ADR.</i></p> <p>6.2.2. <i>Các báo cáo về phản ứng bất lợi của thuốc có thể thay đổi thông tin trên nhãn sản phẩm</i></p> <p>6.3. Vai trò của các nhân viên y tế trong việc báo cáo các phản ứng bất lợi của thuốc</p> <p>6.4. Những phản ứng bất lợi</p>							
--	--	--	--	--	--	--	--	--

	<p>của thuốc (hoặc nghi ngờ phản ứng bất lợi của thuốc) cần báo cáo.</p> <p>6.5. Cách báo cáo về phản ứng bất lợi của thuốc</p> <p>6.5.1. Thông tin về bệnh nhân</p> <p>6.5.2. Thông tin về phản ứng bất lợi hoặc sự cố bất lợi do thuốc hay các vấn đề về dược phẩm</p> <p>6.5.3. Thông tin về dược phẩm bị nghi ngờ</p> <p>6.5.4. Thông tin về người báo cáo</p> <p>7. KẾT LUẬN</p>					
Phân 5. Dị ứng thuốc.	<p>1. ĐỊNH NGHĨA VÀ PHÂN LOẠI DỊ ỨNG THUỐC</p> <p>1.1. Định nghĩa</p> <p>1.2. Phân loại</p> <p>1.2.1. Căn cứ vào tốc độ xuất hiện các phản ứng dị ứng</p> <p>1.2.2. Dựa trên cơ chế của quá trình miễn dịch</p> <p>2. CÁC NHÓM THUỐC SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU TRỊ DỊ ỨNG THUỐC</p> <p>2.1. Corticoid</p> <p>2.2. Kháng histamine H1</p> <p>2.3. Adrenalin và nor-adrenalin</p> <p>2.3.1. Adrenalin (<i>Epinephrin</i>)</p> <p>2.3.2. Nor-adrenalin (<i>nor-epinephrin</i>)</p> <p>2.4. Thuốc khác</p> <p>3. NGUYÊN TẮC XỬ TRÍ VÀ CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG TRÁNH DỊ ỨNG</p>	04		04		Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.

	<p>THUỐC</p> <p>3.1. Nguyên tắc xử trí</p> <p>3.2. Những việc cần làm để xử trí sốc phản vệ</p> <p>3.2.1. <i>Phục hồi ngay các chức năng sống</i></p> <p>3.2.2. <i>Ngăn cản sự thâm nhập tiếp tục của kháng nguyên vào cơ thể</i></p> <p>3.2.3. <i>Ngăn chặn phản ứng quá mẫn muộn bằng corticoid</i></p> <p>3.3. Các biện pháp phòng tránh dị ứng thuốc</p> <p>3.3.1. <i>Tuyên truyền sử dụng thuốc hợp lý an toàn</i></p> <p>3.3.2. <i>Phía người kê đơn</i></p> <p>3.3.3. <i>Với dược sĩ lâm sàng</i></p> <p>4. KẾT LUẬN</p>					
<p>Phần 6. Thông tin thuốc.</p>	<p>1. PHÂN LOẠI THÔNG TIN THUỐC</p> <p>1.1. Phân loại thông tin theo đối tượng được thông tin</p> <p>1.1.1. <i>Thông tin cho cán bộ y tế</i></p> <p>1.1.2. <i>Thông tin cho người sử dụng</i></p> <p>1.2. Phân loại thông tin theo nội dung chuyên biệt của thông tin</p> <p>1.2.1. <i>Các thông tin liên quan đến đặc tính và cách sử dụng thuốc</i></p> <p>1.2.2. <i>Các thông tin về luật, chính sách y tế, số đăng ký</i></p> <p>1.2.3. <i>Các thông tin về giá cả</i></p> <p>1.3. Phân loại thông tin theo nguồn thông tin</p>	03		03		<p>Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>

	<p>2. YÊU CẦU CỦA THÔNG TIN THUỐC</p> <p>2.1. Yêu cầu chung</p> <p>2.2. Yêu cầu về nội dung</p> <p>2.2.1. Thông tin thuốc cho cán bộ y tế</p> <p>2.2.2. Thông tin thuốc cho bệnh nhân</p> <p>3. KỸ NĂNG THÔNG TIN THUỐC</p> <p>4. TRUNG TÂM THÔNG TIN THUỐC</p> <p>4.1. Vài nét về sự ra đời và phát triển của Trung tâm thông tin thuốc</p> <p>4.2. Chức năng của trung tâm thông tin thuốc</p> <p>5. KẾT LUẬN</p>					
--	---	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Y tế (2009), *Dược lâm sàng*, NXB Y học, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2010), *Dược điển Việt Nam IV*, NXB Y học, Hà Nội

2. Bộ Y tế (2002), *Dược thư quốc gia Việt Nam*, xuất bản lần thứ nhất, Hà Nội.

3. Đại học Y Hà Nội (1999), *Dược lâm sàng*, NXB Y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04					
2	04					
3	04					
4	04					
5	04					

6	03					
---	----	--	--	--	--	--

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

* Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Tùm cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

* Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng phần mềm ZOOM/TEAM.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến sử dụng phần mềm ZOOM/TEAM.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia. Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn.			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi lý thuyết (Trắc nghiệm trên máy tính)	100%	Điểm đạt tối thiểu 4/10	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm tổng kết học phần

$Điểm\ tổng\ kết\ học\ phần = (Điểm\ thi\ lý\ thuyết \times 1,5 + Điểm\ thi\ thực\ hành \times 0,5) / 2$

13. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

Đậu Xuân Cảnh

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Quân

PT BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đỗ Thị Hồng Sâm

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
DƯỢC LÂM SÀNG 1**

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm 20____
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Dược lâm sàng 1
- * Tiếng Việt: Dược lâm sàng 1
- * Tiếng Anh: Clinical pharmacy 1
- Mã học phần: PHAR4117
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 0,5
- Đối tượng học (năm thứ): Đại học Dược năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Học sau phần lý thuyết của bài thực hành tương ứng
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	hongsamdo@gmail.com
2	Ths. Bùi Thị Hào	0988264429	haohaobn@gmail.com



3	ThS. Nguyễn Duy Thúc	0913540042	duythuc07@gmail.com
---	----------------------	------------	---------------------

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
	Kiến thức		
MT1	Tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT2	Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT3	Tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc	[2] [3] [6] [7] [9]	4
	Kỹ năng		
MT1	Tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT2	Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt	[2] [3] [6]	4

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
		[7] [9]	
MT3	Tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc	[2] [3] [6] [7] [9]	4
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT1	Tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc	[10] [11]	4
MT2	Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt	[10] [11]	4
MT3	Tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc	[10] [11]	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
MT1: Tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc	CDR1: Mô tả được đặc điểm về cấu trúc và nội dung của một số tài liệu tra cứu thông tin thuốc thường dùng: Dược thư Việt Nam, Martindale, AHFS, BNF, BNFC, Meyler's side effect of drugs, Drugs during pregnancy and lactation. CDR 2: Kể tên được các trang web tiếng Việt và tiếng Anh thường dùng khi tra cứu thông tin thuốc CDR 3: Sử dụng được một số chức năng và công cụ cơ bản trên Pubmed để tra cứu thông tin thuốc.

	CĐR 4: Tìm kiếm thông tin về tương tác thuốc từ một số nguồn thông tin sẵn có.
MT2: Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt	CĐR 5: Tư vấn và hướng dẫn cho người bệnh sử dụng đúng cách một số dụng cụ và dạng bào chế đặc biệt.
MT3: Tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc	CĐR 6: Tính toán và áp dụng giá trị của một số thông số cơ bản trong hướng dẫn sử dụng thuốc.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun (theo bài...)	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	
Tra cứu thông tin thuốc	3	3	2				
Tra cứu tương tác thuốc				2			
Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt					2		
Tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc						2	

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò của phần Thực hành: Vận dụng lý thuyết trong việc thực hành tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc, hướng dẫn sử dụng các dụng cụ đặc biệt và tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc.

Mô tả Học phần: Sinh viên có thể thực hiện các quy trình tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc, sử dụng được các dụng cụ đặc biệt trong điều trị và tính toán được các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc.

Mục đích của phần Học phần: Áp dụng thực hành lý thuyết về thông tin thuốc, tương tác thuốc, hướng dẫn sử dụng các dụng cụ đặc biệt và tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc.

Nội dung chính yếu: thực hành cách tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc, tư vấn và hướng dẫn sử dụng các dụng cụ đặc biệt, tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

							(giờ)
1	Tra cứu thông tin thuốc	1,5	0,5	1,0	0,5	0,5	0
2	Tra cứu tương tác thuốc	1,5	0,5	1,0	0,5	0,5	0
3	Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt	1,5	0,5	1,0	0,5	0,5	0
4	Tính toán các thông số cơ bản trong sử dụng thuốc	1,5	0,5	1,0	0,5	0,5	0

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR6.

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phân biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra .CDR1 và CDR 4

Học tập thảo luận đạt CDR2 và CDR 3

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CDR5, CDR6.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tải cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Có máy tính và projector

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học thực hành. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có

giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý và phải tham gia học bù vào buổi khác do bộ môn sắp xếp.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Hoàn thành báo cáo thực tập và nộp cho bộ môn sau khi kết thúc buổi thực hành.

- Điều kiện hoàn thành học phần thực hành: đạt 100% số buổi có mặt tham gia và nộp báo cáo thực tập đầy đủ. Sinh viên không nộp bài báo cáo sẽ bị điểm F.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Chuẩn bị và báo cáo slide + trả lời vấn đáp + chuẩn bị bài tập			
	Bài 1: Tra cứu thông tin thuốc	25%	≥ 4	
	Bài 2: Tra cứu tương tác thuốc	25%	≥ 4	
	Bài 3: Tư vấn sử dụng một số dụng cụ đặc biệt	25%	≥ 4	
	Bài 4: Tính toán các	25%	≥ 4	

	thông số cơ bản trong sử dụng thuốc			
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	≥ 4	CDR1 và CDR 2 CDR3 đến CDR6.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Quân

PT BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Đỗ Thị Hồng Sâm



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
DƯỢC LÂM SÀNG 2**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Ngành Dược trình độ đại học; Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần/ mô đun: Dược lâm sàng 2
- * Tiếng Việt: Dược lâm sàng 2
- * Tiếng Anh: Clinical Pharmacy 2
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 4120
- Số tín chỉ: LT: 1,5; TH: 0,5
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ tư
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Bệnh học, Vi sinh, Ký sinh, Dược lý 2, Hoá dược.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập:

- + Lý thuyết: 23 tiết Thực hành: 15 tiết
- + Bài tập:
- + Thảo luận, hoạt động nhóm:
- + Kiểm tra:
- + Thời gian tự học:

- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Dược lâm sàng

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	hongsamdo@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Duy Thức	0913540042	duythuc07@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Hào	0988264429	haohaobn@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
MT1	Đánh giá việc kê đơn hợp lý theo cá thể trên cơ sở những khác biệt về sinh lý và bệnh lý.	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT2	Lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi căn bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT3	Trình bày cách sử dụng một số nhóm thuốc thông dụng như kháng sinh, corticoid, giảm đau, vitamin...	[2] [3] [6] [7] [9]	3
MT4	Lựa chọn được các loại thuốc sử dụng cho các đối tượng đặc biệt (trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai và cho con bú).	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT5	Hướng dẫn bệnh nhân sử dụng một số thuốc thông dụng như kháng	[2] [3]	4

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	sinh, corticoid, giảm đau, vitamin...	[6] [7] [9]	
MT6	Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong việc “Hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý” là nhiệm vụ quan trọng của Dược sỹ lâm sàng.	[10] [11]	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đơn	CDR của học phần/ mô đơn
Kiến thức	
<p>MT1: Đánh giá việc kê đơn hợp lý theo cá thể trên cơ sở những khác biệt về sinh lý và bệnh lý.</p> <p>MT2: Phân tích việc lựa chọn thuốc điều trị dựa trên những thay đổi căn bản về sinh lý và bệnh lý của các đối tượng đặc biệt.</p> <p>MT3: Trình bày cách sử dụng một số nhóm thuốc thông dụng như kháng sinh, corticoid, giảm đau, vitamin...</p>	<p>CDR1: Hiểu biết được các kiến thức về dược động học, dược lâm sàng của thuốc, phản ứng có hại của thuốc, dị ứng thuốc, tương tác thuốc và một số kết quả xét nghiệm cận lâm sàng cơ bản để giải thích và phân tích các vấn đề liên quan đến lĩnh vực dược, đưa ra các giải pháp phù hợp với vấn đề thực tiễn trong điều trị bằng thuốc cho bệnh nhân thông thường và bệnh nhân có thay đổi về sinh lý và bệnh lý. Trình bày cách sử dụng một số nhóm thuốc thông dụng trên bệnh nhân.</p>

Kỹ năng	
<p>MT4: Lựa chọn được các loại thuốc sử dụng cho các đối tượng đặc biệt (trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai và cho con bú).</p> <p>MT5: Hướng dẫn bệnh nhân sử dụng một số thuốc thông dụng như kháng sinh, corticoid, giảm đau, vitamin...</p>	<p>CDR2: Tra cứu được các thông tin về thuốc, tư vấn cho cán bộ y tế về thuốc, hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc phục vụ cho công tác điều trị và sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT6: Thể hiện được sự chính xác, cẩn thận, tinh thần làm việc có trách nhiệm trong việc “Hướng dẫn bệnh nhân sử dụng thuốc hợp lý” là nhiệm vụ quan trọng của Dược sỹ lâm sàng.</p>	<p>CDR3: Tuân thủ các nguyên tắc về đạo đức và an toàn trong thực hành nghề nghiệp. Nhận thức đúng về vai trò người dược sĩ. Thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần		
	CDR1	CDR2	CDR3
Phần 1. Đường đưa thuốc và cách sử dụng	3	2	3
Phần 2. Sử dụng thuốc trong điều trị cho trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai và cho con bú	3	2	3
Phần 3. Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh và kháng khuẩn	3	2	3
Phần 4. Nguyên tắc sử dụng vitamin và khoáng chất	3	2	3
Phần 5. Nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau	3	2	3
Phần 6. Nguyên tắc sử dụng thuốc nhóm glucocorticoid	3	2	3

6. Mô tả học phần (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Dược lâm sàng là một môn học của ngành Dược nhằm tối ưu hóa việc sử dụng thuốc trong điều trị và phòng bệnh trên cơ sở những kiến thức về Dược và Y – Sinh học. Học phần Dược lâm sàng 2 gồm các khối kiến thức chính sau:

Phần 1. Đường đưa thuốc và cách sử dụng:

Trong điều trị, muốn thuốc đến được vị trí tác dụng hiệu quả nhất chúng ta phải lựa chọn đường đưa thuốc phù hợp. Chuyên luận này cung cấp các thông tin liên quan đến đặc điểm của mỗi đường đưa thuốc và các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của thuốc theo các đường đưa thuốc chính sau:

- Qua đường tiêu hóa: Phổ biến nhất là đường uống (qua miệng), ngoài ra còn có đường đặt dưới lưỡi, đường đặt trực tràng (qua hậu môn) ...
- Ngoài đường tiêu hóa: phổ biến nhất là đường tiêm (tiêm bắp, tiêm tĩnh mạch, tiêm dưới da...), ngoài ra còn có đường qua mũi (thuốc xông, hít)

...

Mỗi đường đưa thuốc đều có những ưu, nhược điểm riêng. Việc đưa thuốc đúng đường, đúng cách sẽ góp phần quan trọng vào hiệu quả và độ an toàn trong điều trị.

Phần 2. Sử dụng thuốc trong điều trị cho trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai và cho con bú.

Với mục tiêu đảm bảo sử dụng thuốc an toàn, hợp lý trong điều trị cho trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai và cho con bú, chuyên đề này cung cấp những kiến thức liên quan đến dược động học, dược lực học trong đáp ứng với thuốc ở những đối tượng bệnh nhân đặc biệt này. Để từ đó có những quyết định trong lựa chọn thuốc, liều dùng, dạng dùng phù hợp.

Phần 3. Nguyên tắc sử dụng thuốc kháng sinh và kháng khuẩn.

Trong thực hành tại bệnh viện, số lượng kháng sinh chiếm một tỷ lệ khá cao trong danh mục thuốc, do đó việc trang bị cho sinh viên Dược những nguyên tắc cơ bản khi sử dụng kháng sinh và thuốc kháng khuẩn là việc làm không thể thiếu được để tạo cho các dược sĩ tương lai những thói quen tốt trong nghề nghiệp sau này.

Căn cứ vào mục tiêu trên, phần này bao gồm các nội dung chính sau:

- Những nguyên tắc cơ bản khi sử dụng kháng sinh trong điều trị.
- Những nguyên tắc cơ bản khi sử dụng kháng sinh trong dự phòng nhiễm khuẩn sau phẫu thuật.

Phần 4. Nguyên tắc sử dụng vitamin và khoáng chất.

Các vitamin và khoáng chất thường được bán như những thuốc không kê đơn dưới nhiều dạng đơn lẻ hoặc phối hợp, với các hàm lượng khác nhau đã gây không ít lúng túng cho người sử dụng. Cũng do được bán tràn lan và tuyên truyền không chính xác về tác dụng nên trong thực tế đã tạo ra sự lạm dụng, gây những tai biến nghiêm trọng do thừa vi chất.

Xuất phát từ các đặc điểm trên, chuyên đề này nhằm cung cấp một số thông tin cần thiết, giúp các dược sĩ có đủ khả năng tư vấn cho người dùng và bác sĩ điều trị trong việc lựa chọn và sử dụng thuốc góp phần vào việc nâng cao hiệu quả điều trị.

Phần 5. Nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau.

Đau làm cho bệnh nhân khó chịu, khổ sở về mặt tâm lý. Đau dai dẳng, triền miên làm bệnh nhân hốt hoảng, lo lắng dẫn đến mất ngủ, suy nhược. Vòng luẩn quẩn đó càng làm cho đau nặng thêm.

Việc tìm ra nguyên nhân sẽ giúp loại bỏ được yếu tố gây đau và giải quyết đau triệt để. Tuy nhiên, việc giải quyết nguyên nhân nhiều khi không dễ dàng, nhanh chóng nên việc sử dụng thuốc giảm đau vẫn là hàng đầu. Đau không rõ nguyên nhân hoặc không thể loại bỏ được nguyên nhân gây đau thì thuốc giảm đau là chỉ định duy nhất.

Cần lưu ý rằng thuốc giảm đau chỉ điều trị triệu chứng mà không làm mất được nguyên nhân gây đau. Thuốc có thể che lấp các dấu hiệu của bệnh như viêm, sốt trong khi bệnh vẫn đang tiến triển, do đó chỉ nên sử dụng khi thấy thật sự cần thiết và phải luôn luôn cố gắng tìm để loại bỏ nguyên nhân gây đau.

Phần 6. Nguyên tắc sử dụng thuốc nhóm glucocorticoid.

Ngoài vai trò trên chuyển hóa các chất, glucocorticoid còn có nhiều tác dụng khác như tác dụng chống viêm, chống dị ứng, ức chế miễn dịch... vì vậy, phạm vi áp dụng của các dẫn chất này trở nên rất rộng rãi; các áp dụng điều trị không chỉ bó hẹp trong phạm vi tác dụng của một chất thay thế hormone mà còn được sử dụng với nhiều tác dụng khác như tác dụng chống viêm, chống dị ứng, chống thải ghép cơ quan... và điều đáng lưu ý là khi dùng với mục đích này thì liều thường cao hơn liều thay thế nhiều lần, do đó các nguy cơ gặp tác dụng không mong muốn nhiều hơn liều thay thế. Những kiến thức trong phần này nhằm giúp cho việc sử dụng nhóm thuốc này hợp lý, an toàn hơn.

7. Nội dung chi tiết học phần

Chương (Phần)	Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Yêu cầu đối với sinh viên	
		Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)
		LT	TH	BT TL KT	Tổng cộng		
Phần 1. Đường đưa thuốc và cách sử dụng.	1. ĐƯA THUỐC QUA ĐƯỜNG TIÊU HÓA 1.1. Đặt dưới lưỡi 1.2. Đặt trực tràng <i>1.2.1. Một số thuốc thường được đặt trực tràng</i> <i>1.2.2. Những dạng thuốc đặt</i>	04			04		Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời,

	<p><i>khác</i></p> <p>1.3. Đường uống</p> <p><i>1.3.1. Ưu điểm đưa thuốc theo đường uống</i></p> <p><i>1.3.2. Nhược điểm đưa thuốc theo đường uống</i></p> <p><i>1.3.3. Một số dạng thuốc uống</i></p> <p>2. ĐƯA THUỐC THEO ĐƯỜNG TIÊM</p> <p>2.1. Tóm tắt một số đặc điểm của thuốc tiêm</p> <p><i>2.1.1. Các dung môi thường dùng trong thuốc tiêm</i></p> <p><i>2.1.2. Ưu điểm của thuốc tiêm</i></p> <p><i>2.1.3. Nhược điểm của thuốc tiêm</i></p> <p><i>2.1.4. Những lưu ý khi sử dụng thuốc tiêm</i></p> <p>2.2. Một số cách đưa thuốc theo đường tiêm</p> <p><i>2.2.1. Đường tĩnh mạch</i></p> <p><i>2.2.2. Tiêm bắp</i></p> <p><i>2.2.3. Tiêm dưới da</i></p> <p><i>2.2.4. Tiêm trong da</i></p> <p><i>2.2.5. Các đường tiêm khác</i></p> <p>3. ĐƯA THUỐC QUA ĐƯỜNG HÔ HẤP</p> <p>4. KẾT LUẬN</p>						đọc tài liệu.
Phần 2. Sử dụng thuốc trong điều trị cho trẻ em, người cao tuổi, phụ nữ có thai và cho	<p>TRẺ EM</p> <p>1. NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ DƯỢC ĐỘNG HỌC CỦA THUỐC Ở TRẺ EM SO VỚI NGƯỜI LỚN.</p> <p>1.1. Hấp thu thuốc</p> <p><i>1.1.1. Đường uống</i></p>	04			04		Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời,

con bú.	<p>1.1.2. Đường tiêm</p> <p>1.1.3. Đường qua da</p> <p>1.2. Phân bố thuốc</p> <p>1.3. Chuyển hóa thuốc tại gan</p> <p>1.4. Bài xuất thuốc qua thận</p> <p>2. NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ ĐÁP ỨNG VỚI THUỐC Ở TRẺ EM</p> <p>2.1. Nhạy cảm đối với thuốc</p> <p>2.1.1. Hệ thần kinh trung ương</p> <p>2.1.2. Hệ tim mạch</p> <p>2.1.3. Hệ thống điều hòa thân nhiệt</p> <p>2.1.4. Dị ứng da</p> <p>2.2. Các tác dụng không mong muốn bất thường ở trẻ em</p> <p>3. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI DÙNG THUỐC CHO TRẺ EM</p> <p>3.1. Liều lượng thuốc dùng cho trẻ em</p> <p>3.2. Chọn chế phẩm và đường đưa thuốc</p> <p>3.2.1. Các yếu tố quyết định trong lựa chọn chế phẩm thuốc</p> <p>3.2.2. Một số đường đưa thuốc thường dùng cho trẻ em</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường uống - Đường trực tràng - Đường tiêm - Đường hô hấp qua dạng khí dung 					đọc tài liệu.
---------	--	--	--	--	--	---------------

	<p>3.3. Sự tuân thủ điều trị</p> <p>4. KẾT LUẬN</p> <p>NGƯỜI CAO TUỔI</p> <p>1. NHỮNG THAY ĐỔI SINH LÝ VÀ BIẾN ĐỔI DO BỆNH LÝ Ở NGƯỜI CAO TUỔI LIÊN QUAN ĐẾN SỬ DỤNG THUỐC</p> <p>1.1. Những thay đổi sinh lý ở người cao tuổi</p> <p>1.2. Những biến đổi bệnh lý ở người cao tuổi</p> <p><i>1.2.1. Tình trạng đa bệnh lý làm tăng phản ứng bất lợi của thuốc</i></p> <p><i>1.2.2. Tình trạng bệnh lý gây thay đổi đáp ứng của thuốc</i></p> <p><i>1.2.3. Bệnh lý ảnh hưởng đến dược động học</i></p> <p>2. NHỮNG KHÁC BIỆT VỀ DƯỢC ĐỘNG HỌC Ở NGƯỜI CAO TUỔI</p> <p>2.1. Hấp thu thuốc</p> <p><i>2.1.1. Đường uống</i></p> <p><i>2.1.2. Đường tiêm bắp</i></p> <p><i>2.1.3. Đường qua da</i></p> <p>2.2. Phân bố thuốc</p> <p>2.3. Chuyển hóa thuốc tại gan</p> <p>2.4. Thải trừ thuốc qua thận</p> <p>3. NHỮNG THAY ĐỔI VỀ ĐÁP ỨNG VỚI THUỐC Ở NGƯỜI CAO TUỔI</p> <p>3.1. Những nguyên nhân làm thay đổi đáp ứng thuốc ở người cao tuổi</p> <p>3.2. Ảnh hưởng của tuổi tác</p>							
--	---	--	--	--	--	--	--	--

<p>đến đáp ứng với một số nhóm thuốc</p> <p>4. MỘT SỐ ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI DÙNG THUỐC CHO NGƯỜI CAO TUỔI</p> <p>4.1. Những rối loạn do thuốc gây ra ở người cao tuổi</p> <p>4.2. Những tình trạng bệnh lý ảnh hưởng đến sử dụng thuốc</p> <p>5. CÁC BIỆN PHÁP NHẪM HẠN CHẾ PHẢN ỨNG BẤT LỢI CỦA THUỐC KHI SỬ DỤNG CHO NGƯỜI CAO TUỔI</p> <p>5.1. Về phía bác sĩ kê đơn và dược sĩ lâm sàng</p> <p>5.2. Về phía người sử dụng</p> <p>6. KẾT LUẬN</p> <p>PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ</p> <p>1. SỬ DỤNG THUỐC CHO PHỤ NỮ CÓ THAI.</p> <p>1.1. Ảnh hưởng của thuốc đối với thai nhi</p> <p><i>1.1.1. Vận chuyển thuốc qua rau thai</i></p> <p><i>1.1.2. Thời kỳ dùng thuốc trong thai kỳ</i></p> <p><i>1.1.2.1. Thời kỳ tiền phôi (hay pha phân đoạn)</i></p> <p><i>1.1.2.2. Thời kỳ phôi</i></p> <p><i>1.1.2.3. Thời kỳ thai.</i></p> <p>1.2. Ảnh hưởng của thuốc dùng cho phụ nữ có thai đối với trẻ sau khi sinh</p>						
---	--	--	--	--	--	--

	<p>1.3. Đặc điểm dược động học của thuốc ở phụ nữ có thai</p> <p><i>1.3.1. Hấp thu thuốc</i></p> <p><i>1.3.2. Phân bố thuốc</i></p> <p><i>1.3.3. Bài xuất thuốc</i></p> <p>1.4. Phân loại mức độ an toàn thuốc dùng cho phụ nữ có thai</p> <p><i>1.4.1. Cách phân loại của Mỹ</i></p> <p><i>1.4.2. Cách phân loại của Austalia</i></p> <p>1.5. Các nguyên tắc sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai</p> <p>2. SỬ DỤNG THUỐC Ở PHỤ NỮ THỜI KỲ CHO CON BÚ</p> <p>2.1. Các yếu tố quyết định lượng thuốc vào trẻ khi sử dụng thuốc ở phụ nữ cho con bú</p> <p><i>2.1.1. Việc dùng thuốc của người mẹ</i></p> <p><i>2.1.2. Việc bài tiết sữa của người mẹ</i></p> <p><i>2.1.3. Tính chất hóa lý của thuốc</i></p> <p><i>2.1.4. Việc bú mẹ của trẻ</i></p> <p>2.2. Các thuốc ảnh hưởng đến khả năng bài tiết sữa</p> <p>2.3. Nguyên tắc trong sử dụng thuốc ở phụ nữ cho con bú</p> <p>3. KẾT LUẬN.</p>					
<p>Phần 3. Nguyên tắc sử dụng thuốc</p>	<p>1. NHỮNG NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG KHÁNG SINH TRONG ĐIỀU TRỊ</p>	<p>04</p>			<p>04</p>	<p>Nghe, ghi chép,</p>

<p>kháng sinh và kháng khuẩn.</p>	<p>1.1. Chỉ sử dụng kháng sinh khi có nhiễm khuẩn</p> <p><i>1.1.1. Thăm khám lâm sàng</i></p> <p><i>1.1.2. Các xét nghiệm lâm sàng thường quy</i></p> <p><i>1.1.3. Tìm vi khuẩn gây bệnh</i></p> <p>1.2. Phải biết lựa chọn kháng sinh hợp lý</p> <p><i>1.2.1. Lựa chọn kháng sinh phải phù hợp với vi khuẩn gây bệnh</i></p> <p><i>1.2.2. Lựa chọn kháng sinh theo vị trí nhiễm khuẩn</i></p> <p><i>1.2.3. Lựa chọn kháng sinh theo cơ địa bệnh nhân</i></p> <p>Kháng sinh với trẻ em</p> <p>Kháng sinh với người cao tuổi</p> <p>Kháng sinh với phụ nữ có thai</p> <p>Kháng sinh với bệnh nhân suy thận</p> <p>Kháng sinh với bệnh nhân suy giảm chức năng gan</p> <p>Kháng sinh với người có cơ địa dị ứng</p> <p>1.3. Phối hợp kháng sinh phải hợp lý</p> <p><i>1.3.1. Tăng tác dụng lên các chủng đề kháng mạnh</i></p> <p><i>1.3.2. Giảm khả năng kháng thuốc hoặc tránh tạo những chủng vi khuẩn đề kháng</i></p> <p><i>1.3.3. Nói rộng phổ tác dụng của kháng sinh</i></p> <p><i>1.3.4. Những trường hợp phối hợp cần tránh</i></p>						<p>trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>
---------------------------------------	---	--	--	--	--	--	---

	<p>1.4. Phải sử dụng kháng sinh đúng thời gian quy định</p> <p>2. NHỮNG NGUYÊN TẮC SỬ DỤNG KHÁNG SINH DỰ PHÒNG NHIỄM KHUẨN TRONG PHẪU THUẬT</p> <p>2.1. Thời điểm đưa thuốc phải đúng</p> <p>2.1.1. <i>Tiêm tĩnh mạch</i></p> <p>2.1.2. <i>Tiêm bắp</i></p> <p>2.1.3. <i>Đường trực tràng</i></p> <p>2.1.4. <i>Đường uống</i></p> <p>2.2. Chọn kháng sinh phải đúng</p> <p>2.2.1. <i>Về phổ tác dụng của kháng sinh</i></p> <p>2.2.2. <i>Về độ dài tác dụng của kháng sinh</i></p> <p>2.2.3. <i>Về khả năng khuếch tán vào tổ chức cần phẫu thuật</i></p> <p>2.3. Độ dài của đợt điều trị phải đúng</p> <p>3. KẾT LUẬN</p>					
<p>Phần 4. Nguyên tắc sử dụng vitamin và khoáng chất.</p>	<p>1. NHU CẦU HÀNG NGÀY VỀ VITAMIN VÀ KHOÁNG CHẤT</p> <p>2. THIẾU VITAMIN VÀ KHOÁNG CHẤT</p> <p>2.1. Nguyên nhân gây thiếu</p> <p>2.1.1. <i>Do cung cấp thiếu</i></p> <p>2.1.2. <i>Do rối loạn hấp thu</i></p> <p>2.1.3. <i>Do nhu cầu cơ thể tăng nhưng cung cấp không đủ</i></p> <p>2.1.4. <i>Các nguyên nhân gây</i></p>	<p>04</p>			<p>04</p>	<p>Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>

	<p><i>thiếu đặc biệt khác</i></p> <p>2.2. Xử trí khi thiếu vitamin và chất khoáng</p> <p>3. THỪA VITAMIN VÀ CHẤT KHOÁNG</p> <p>3.1. Nguyên nhân gây thừa và hậu quả</p> <p>3.1.1. Thừa do chế độ ăn</p> <p>3.1.2. Thừa do lạm dụng vitamin và chất khoáng dưới dạng thuốc</p> <p>3.2. Các biện pháp tránh thừa vitamin và chất khoáng</p> <p>4. LỰA CHỌN CÁC CHẾ PHẨM</p> <p>4.1. Các chế phẩm chứa vitamin</p> <p>4.1.1. Các loại vitamin đơn lẻ</p> <p>4.1.2. Các loại vitamin phối hợp</p> <p>4.2. Các chế phẩm chứa chất khoáng</p> <p>4.2.1. Calci (Ca)</p> <p>4.2.2. Sắt (Fe)</p> <p>4.3. Các chế phẩm phối hợp vitamin và chất khoáng</p> <p>5. KẾT LUẬN</p>						
<p>Phần 5. Nguyên tắc sử dụng thuốc giảm đau.</p>	<p>1. SINH LÝ BỆNH CỦA PHẢN ỨNG ĐAU</p> <p>2. MỘT SỐ ĐẶC TÍNH DƯỢC LÝ CỦA CÁC THUỐC GIẢM ĐAU</p> <p>2.1. Thuốc giảm đau trung ương</p> <p>2.2. Thuốc giảm đau ngoại vi</p> <p>3. NGUYÊN TẮC SỬ</p>	04			04		<p>Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài</p>

	<p>DỤNG THUỐC GIẢM ĐAU</p> <p>3.1. Nhóm giảm đau trung ương</p> <p>3.1.1. Nguyên tắc trong sử dụng</p> <p>3.1.2. Chống chỉ định</p> <p>3.2. Nhóm giảm đau ngoại vi</p> <p>3.2.1. Nguyên tắc sử dụng các thuốc giảm đau ngoại vi</p> <p>3.2.2. Các tương tác bất lợi cần tránh</p> <p>3.2.3. Chống chỉ định</p> <p>4. KẾT LUẬN</p>						liệu.
<p>Phần 6. Nguyên tắc sử dụng thuốc nhóm glucocorticoid.</p>	<p>1. NHỊP SINH LÝ CỦA SỰ TIẾT HYDROCORTISON</p> <p>1.1. Nhịp ngày và đêm</p> <p>1.2. Ảnh hưởng của các yếu tố bất lợi</p> <p>1.3. Sự tăng kéo dài mức glucocorticoid trong máu</p> <p>2. TÁC DỤNG CỦA GLUCOCORTICOID ĐỐI VỚI CƠ THỂ</p> <p>2.1. Tác dụng trên chuyển hóa các chất</p> <p>2.2. Tác dụng trên mô liên kết</p> <p>2.3. Tác dụng trên sự tạo máu</p> <p>2.4. Tác dụng chống viêm</p> <p>2.5. Tác dụng trên hệ miễn dịch</p> <p>2.6. Các tác dụng khác</p> <p>3. CHỈ ĐỊNH VÀ LỰA CHỌN THUỐC</p> <p>3.1. Điều trị thay thế khi</p>	03			03		<p>Nghe, ghi chép, trao đổi, trả lời, đọc tài liệu.</p>

<p>thiếu hormone</p> <p>3.1.1. Với suy thượng thận mạn</p> <p>3.1.2. Với suy thượng thận cấp</p> <p>3.2. Điều trị với mục đích không phải thay thế hormone</p> <p>4. TÁC DỤNG PHỤ VÀ CÁCH KHẮC PHỤC</p> <p>4.1. Tác dụng trên sự tăng trưởng của trẻ em</p> <p>4.2. Gây xẹp xương</p> <p>4.3. Loét dạ dày – tá tràng</p> <p>4.4. Tác dụng phụ do dùng corticoid tại chỗ</p> <p>4.5. Hiện tượng ức chế trục dưới đồi – tuyến yên – thượng thận (HPA)</p> <p>4.6. Tình trạng thừa corticoid và bệnh Cushing do thuốc</p> <p>5. CHỐNG CHỈ ĐỊNH</p> <p>6. THẬN TRỌNG</p> <p>7. NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý KHI KÊ ĐƠN</p> <p>8. CHẾ ĐỘ ĐIỀU TRỊ CÁCH NGÀY</p> <p>9. SỬ DỤNG CORTICOID BÊN NGOÀI</p> <p>9.1. Chỉ định</p> <p>9.2. Tác dụng phụ</p> <p>9.3. Chống chỉ định</p> <p>9.4. Chọn chế phẩm</p> <p style="padding-left: 40px;">9.4.1. Cơ sở lựa chọn</p> <p style="padding-left: 40px;">9.4.2. Cách dùng</p> <p>10. KẾT LUẬN</p>						
--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ Y tế (2009), *Dược lâm sàng*, NXB Y học, Hà Nội.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2010), *Dược điển Việt Nam IV*, NXB Y học, Hà Nội
2. Bộ Y tế (2002), *Dược thư quốc gia Việt Nam*, xuất bản lần thứ nhất, Hà Nội.
3. Đại học Y Hà Nội (1999), *Dược lâm sàng*, NXB Y học, Hà Nội.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	04					
2	04					
3	04					
4	04					
5	04					
6	03					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần

* Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR1 đến CDR3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR3.

* Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy trực tuyến sử dụng phần mềm ZOOM/TEAM.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Giảng dạy trực tiếp hoặc trực tuyến sử dụng phần mềm ZOOM/TEAM.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn.			

	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	Thi lý thuyết (Trắc nghiệm trên máy tính)	100%	Điểm đạt tối thiểu 4/10	CĐR 1 đến CĐR 3

12.3. Điểm tổng kết học phần

Điểm tổng kết học phần = (Điểm thi lý thuyết x 1,5 + Điểm thi thực hành x 0,5) / 2

13. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Quân

Đỗ Thị Hồng Sâm

Nguyễn Văn Quân

Đỗ Thị Hồng Sâm

GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN (Thực hành/lâm sàng)
DƯỢC LÂM SÀNG 2**

(Ban hành kèm theo Quyết định số _____ ngày _____ tháng _____ năm 20____
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

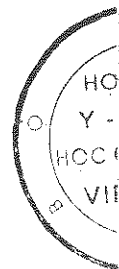
1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần: Dược lâm sàng 2
- * Tiếng Việt: Dược lâm sàng 2
- * Tiếng Anh: Clinical pharmacy 2
- Mã học phần: PHAR4120
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 0,5
- Đối tượng học (năm thứ): Đại học Dược năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Học phần tiên quyết: Học sau phần lý thuyết của bài thực hành tương ứng
- Đơn vị phụ trách học phần/ mô đun:

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ths. Đỗ Thị Hồng Sâm	0838618181	hongsamdo@gmail.com
2	Ths. Bùi Thị Hảo	0988264429	haohaobn@gmail.com



3	ThS. Nguyễn Duy Thức	0913540042	duythuc07@gmail.com
---	----------------------	------------	---------------------

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Phân tích đơn thuốc và hướng dẫn dùng thuốc cho một số bệnh thường gặp	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT2	Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của Dược lâm sàng và Dược sĩ lâm sàng, các quy định hành chính và văn bản về dược lâm sàng áp dụng tại Khoa dược và tại Bệnh viện.	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT3	Thực tập kỹ năng tư vấn thuốc tại quầy thuốc ngoại trú của bệnh viện	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT4	Thực hành tra cứu thông tin thuốc và tương tác thuốc, báo cáo ADR tại khoa Dược	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT5	Thực hành tìm hiểu mô hình bệnh tật và bình đơn thuốc, bình bệnh án tại các khoa điều trị của bệnh viện	[2] [3] [6]	4

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
		[7] [9]	
	Kỹ năng		
MT1	Phân tích đơn thuốc và hướng dẫn dùng thuốc cho một số bệnh thường gặp	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT2	Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của Dược lâm sàng và Dược sĩ lâm sàng, các quy định hành chính và văn bản về dược lâm sàng áp dụng tại Khoa dược và tại Bệnh viện	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT3	Thực tập kỹ năng tư vấn thuốc tại quầy thuốc ngoại trú của bệnh viện	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT4	Thực hành tra cứu thông tin thuốc và tương tác thuốc, báo cáo ADR tại khoa Dược	[2] [3] [6] [7] [9]	4
MT5	Thực hành tìm hiểu mô hình bệnh tật và bình đơn thuốc, bình bệnh án tại các khoa điều trị của bệnh viện	[2] [3] [6] [7]	4

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
		[9]	
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT1	Phân tích đơn thuốc và hướng dẫn dùng thuốc cho một số bệnh thường gặp	[10] [11]	4
MT2	Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của Dược lâm sàng và Dược sĩ lâm sàng, các quy định hành chính và văn bản về dược lâm sàng áp dụng tại Khoa dược và tại Bệnh viện.	[10] [11]	4
MT3	Thực tập kỹ năng tư vấn thuốc tại quầy thuốc ngoại trú của bệnh viện	[10] [11]	4
MT4	Thực hành tra cứu thông tin thuốc và tương tác thuốc, báo cáo ADR tại khoa Dược	[10] [11]	4
MT5	Thực hành tìm hiểu mô hình bệnh tật và bình đơn thuốc, bình bệnh án tại các khoa điều trị của bệnh viện	[10] [11]	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
MT1: Phân tích đơn thuốc và hướng dẫn dùng thuốc cho một số bệnh thường gặp	CDR1: Phân tích được tính hợp lý và các vấn đề liên quan trong đơn thuốc dựa trên phác đồ điều trị được khuyến cáo và hướng dẫn điều trị trong từng bệnh lý

	cụ thể.
MT2: Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của Dược lâm sàng và Dược sĩ lâm sàng, các quy định hành chính và văn bản về dược lâm sàng áp dụng tại Khoa dược và tại Bệnh viện.	CDR 2: Tìm hiểu và viết báo cáo về chức năng nhiệm vụ của dược sĩ lâm sàng tại khoa Dược và bệnh viện. CDR 3: Tìm hiểu các thông tư, nghị định, luật và các văn bản quy định được áp dụng trong lĩnh vực Dược lâm sàng áp dụng tại bệnh viện.
MT3: Thực tập kỹ năng tư vấn thuốc tại quầy thuốc ngoại trú của bệnh viện	CDR 4: Thực hành tư vấn dược cho bệnh nhân tại quầy thuốc ngoại trú và cấp phát thuốc bảo hiểm tại bệnh viện.
MT4: Thực hành tra cứu thông tin thuốc và tương tác thuốc, báo cáo ADR tại khoa Dược	CDR 5: Tra cứu được thông tin thuốc và tương tác thuốc theo sự phân công của giảng viên tại khoa Dược. CDR 6: Thực hiện công tác báo cáo ADR tại khoa Dược bệnh viện.
MT5: Thực hành tìm hiểu mô hình bệnh tật và bình đơn thuốc, bình bệnh án tại các khoa điều trị của bệnh viện	CDR 7: Phân tích và bình bệnh án, đơn thuốc được thu thập tại các khoa điều trị của bệnh viện theo sự phân công của giảng viên khoa Dược bệnh viện.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7
MT1: Phân tích đơn thuốc và hướng dẫn dùng thuốc cho một số bệnh thường gặp	3						
MT2: Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của Dược lâm sàng và Dược sĩ lâm sàng, các quy định hành chính và văn bản về dược lâm sàng áp dụng tại Khoa dược và tại Bệnh viện.		3	2				
MT3: Thực tập kỹ năng tư vấn							

thuốc tại quầy thuốc ngoại trú của bệnh viện				2			
MT4: Thực hành tra cứu thông tin thuốc và tương tác thuốc, báo cáo ADR tại khoa Dược					3	2	
MT5: Thực hành tìm hiểu mô hình bệnh tật và bình đơn thuốc, bình bệnh án tại các khoa điều trị của bệnh viện							2

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Vị trí/vai trò của phần Thực hành/ seminar: Thực hiện được các chức năng nhiệm vụ của Dược sĩ lâm sàng trong việc phân tích đơn thuốc, bình bệnh án tại khoa điều trị, thực hiện tra cứu thông tin thuốc, báo cáo ADR của bệnh viện, tư vấn dùng thuốc cho bệnh nhân.

Mô tả Học phần: Phân tích được đơn thuốc, bệnh án của bệnh nhân trong điều trị. Thực hành tra cứu thông tin thuốc, tương tác thuốc và báo cáo ADR tại bệnh viện. Hiểu được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của dược sĩ lâm sàng tại khoa Dược bệnh viện.

Mục đích của phần Học phần: Thực hiện được các nhiệm vụ cơ bản của người dược sĩ lâm sàng bệnh viện. Thực hiện đúng quy trình cấp phát thuốc ở kho ngoại trú và nội trú. Thực hiện kỹ năng tư vấn, hướng dẫn sử dụng thuốc cho bệnh nhân tại quầy thuốc bệnh viện. Phân tích được đơn thuốc và bình bệnh án tại khoa nội trú bệnh viện theo hướng dẫn điều trị.

Nội dung chính yếu: Tìm hiểu được chức năng nhiệm vụ của dược sĩ lâm sàng, tra cứu được thông tin thuốc, báo cáo ADR, tư vấn dùng thuốc cho bệnh nhân. Phân tích và bình bệnh án điều trị tại bệnh viện.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Phân tích đơn thuốc và hướng dẫn dùng thuốc cho một số bệnh thường gặp.	04	0	-Tham khảo khuyến cáo và hướng dẫn điều trị được cung cấp.
Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của Dược sĩ lâm sàng và Dược sĩ lâm sàng tại Khoa	04	0	- Đọc thông tư, nghị định,

					khác		cứu (giờ)
1	Phân tích đơn thuốc và hướng dẫn dùng thuốc cho một số bệnh thường gặp.	02	0,5	1,0	0	0,5	0
2	<p>Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của Dược lâm sàng và Dược sĩ lâm sàng tại Khoa dược và tại Bệnh viện.</p> <p>Tìm hiểu các quy định hành chính và văn bản về dược lâm sàng áp dụng tại khoa dược.</p> <p>Thực tập kỹ năng tư vấn thuốc tại quầy thuốc ngoại trú của bệnh viện</p>	02	0,5	0	0,5	01	0
3	<p>Thực hành tra cứu thông tin thuốc và tương tác thuốc tại khoa Dược.</p> <p>Thực hành công tác báo cáo ADR tại khoa Dược</p>	02	0,5	0	0,5	01	0
4	Thực hành tìm hiểu mô hình bệnh tật và bình đơn thuốc, bình bệnh án tại các khoa điều trị	02	0,5	0	0,5	01	0

	của bệnh viện						
--	---------------	--	--	--	--	--	--

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR7.

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm, Phản biện, Thực hành

Thuyết trình Động não Phản biện Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/ thực tập

Giảng dạy lý thuyết đạt chuẩn đầu ra CDR 2 và CDR 3.

Học tập thảo luận đạt CDR 1, CDR 4 và CDR 5.

Quá trình thực hiện phương pháp giảng dạy và học tập: Đạt CDR 6, CDR 7.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

- Giảng viên cung cấp thiết kế bài giảng, nội dung thảo luận và chuyển tải cho sinh viên chuẩn bị báo cáo bài tập, báo cáo slide theo một báo cáo khoa học
- Có máy tính và projector

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Sinh viên không được tự ý vắng thảo luận buổi nào, không đến chậm quá 15 phút...
- Sinh viên phải có bài báo cáo chuẩn bị nộp trước, chiếu slide theo yêu cầu chỉ định của giảng viên và cho phép phản biện bài của bạn học, trả lời các câu hỏi của giảng viên
- Sinh viên không có bài nộp cả văn bản và slide sẽ coi như bị điểm F

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình: Mỗi bài đều được đánh giá chấm điểm kết hợp 3 thành tố: Chuẩn bị và báo cáo slide + trả lời vấn đáp + chuẩn bị bài tập			

	Bài 1: Phân tích đơn thuốc và hướng dẫn dùng thuốc cho một số bệnh thường gặp	25%	≥ 4	
	Bài 2: Tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của Dược lâm sàng và Dược sĩ lâm sàng tại Khoa dược và tại Bệnh viện. Tìm hiểu các quy định hành chính và văn bản về dược lâm sàng áp dụng tại khoa dược. Thực tập kỹ năng tư vấn thuốc tại quầy thuốc ngoại trú của bệnh viện.	25%	≥ 4	
	Bài 3: Thực hành tra cứu thông tin thuốc và tương tác thuốc tại khoa Dược. Thực hành công tác báo cáo ADR tại khoa Dược	25%	≥ 4	
	Bài 4: Thực hành tìm hiểu mô hình bệnh tật và bình đơn thuốc, bình bệnh án tại các khoa điều trị của bệnh viện.	25%	≥ 4	
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Trung bình cộng điểm các bài thảo luận	100%	≥ 4	CĐR 1 và CĐR 2 CĐR 3 đến CĐR 7.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

PT BỘ MÔN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Quân

Đỗ Thị Hồng Sâm

Nguyễn Văn Quân

Đỗ Thị Hồng Sâm

GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
LÝ THUYẾT KIỂM NGHIỆM THUỐC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Kiểm nghiệm thuốc
- * Tiếng Việt: Kiểm nghiệm thuốc
- * Tiếng Anh: Pharmaceutical testing
- Mã học phần/ mô đun: PHAR 4121
- Số tín chỉ: 2 (LT/TH: 1,5/0,5)
- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>					Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>	
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>		

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hóa hữu cơ, Vi sinh, Hóa phân tích, Hóa dược, Bào chế

- Số tiết đối với các hoạt động học tập phần lý thuyết: 35,0 tiết

- + Lý thuyết: 23,0 tiết
- + Bài tập: 0 tiết
- + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
- + Kiểm tra: 0 tiết
- + Thời gian tự học: 12 tiết

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Nguyễn Thị Châu Giang	0942721199	lan.huongngoc@gmail.com
2	Nguyễn Thị Vân Anh	0964541313	vananhchem.vutm@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Vận dụng kiến thức chuyên môn về kiểm nghiệm thuốc kết hợp kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để kiểm tra chất lượng của thuốc	[CDR1] [CDR8]	Thang Bloom 2001-3
Kỹ năng			
MT2	Ứng dụng được kiến thức chuyên môn về kiểm nghiệm thuốc để đánh giá chất lượng của thuốc	[CDR8] [CDR9]	Thang Dave 1975-3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT3	Có khả năng hành nghề chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế; lập kế hoạch, tổ chức, thông tin, ra quyết định và giám sát đánh giá hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn	[CDR10] [CDR11]	Thang Krathwohl 1973-3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu của học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
<p>MT1: Vận dụng kiến thức chuyên môn về kiểm nghiệm thuốc kết hợp kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở và chuyên ngành để kiểm tra chất lượng của thuốc</p> <p>MT2: Ứng dụng được kiến thức chuyên môn về kiểm nghiệm thuốc để đánh giá chất lượng của thuốc</p>	CLO 1: Trình bày được hệ thống quản lý chất lượng thuốc và vị trí của công tác kiểm nghiệm trong hệ thống này.
	CLO 2: Hiểu được các phương pháp hóa học, phương pháp hóa lý, phương pháp sinh học ứng dụng trong kiểm nghiệm thuốc
	CLO 3: Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử để đánh giá chất lượng một số dạng bào chế thường gặp.
	CLO 4: Trình bày được các kiến thức cơ bản liên quan đến độ ổn định và tuổi thọ của thuốc
<p>MT3: Có khả năng hành nghề chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế; lập kế hoạch, tổ chức, thông tin, ra quyết định và giám sát đánh giá hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn</p>	CLO 5: Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm; có năng lực giải quyết vấn đề một cách độc lập trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.
	CLO 6: Có năng lực tự học, tự định hướng, dẫn dắt, hướng dẫn, giám sát các đồng nghiệp trong hoạt động chuyên môn và đưa ra kết luận chuyên môn, bảo vệ được quan điểm cá nhân.
	CLO 7: Tôn trọng pháp luật, thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung của phần lý thuyết	Chuẩn đầu ra của phần lý thuyết						
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
Chương 1: Đại cương	3					1	1
Chương 2: Kiểm nghiệm thuốc bằng các phương pháp hóa học		3			1	1	1
Chương 3: Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc		3			1	1	1
Chương 4: Kiểm nghiệm thuốc bằng các phương pháp sinh học		3			1	1	1
Chương 5: Kiểm nghiệm các dạng bào chế			3		1	1	1
Chương 6: Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc				3	1	1	1

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần sẽ giới thiệu các khái niệm chung về kiểm nghiệm thuốc, mục tiêu, chức năng, nhiệm vụ, nội dung của công tác kiểm nghiệm thuốc. Đồng thời học phần cũng sẽ trình bày nguyên tắc chung, cách tiến hành, phạm vi ứng dụng của các phương pháp hoá học, sinh học, một số phương pháp hoá lý thường dùng trong kiểm nghiệm thuốc, trình bày phương pháp đánh giá độ ổn định và tuổi thọ của thuốc. Giúp sinh viên biết cách kiểm nghiệm một số dạng thuốc như thuốc bột, thuốc viên nén, thuốc viên nang, thuốc tiêm, tiêm truyền, thuốc nhỏ mắt, thuốc uống dạng lỏng, thuốc mỡ, thuốc đạn, thuốc trứng

Học phần này làm nổi bật các [CĐR1], [CĐR8], [CĐR9], [CĐR11] trong CĐR của CTĐT (Viết chỗ này để sau này viết vào phần đóng góp học phần vào Chương trình đào tạo ở mức nào): I, R, M, hay A

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/T L/KT	Tổng cộng		
Chương 1: Đại cương	4					Đọc LT và làm bài tập theo tài liệu chính [1], tài liệu tham khảo [1],[2]
Chương 2: Kiểm nghiệm thuốc bằng các phương pháp hóa học	4				2	
Chương 3: Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc	4				2	
Chương 4: Kiểm nghiệm thuốc bằng các phương pháp sinh học	4				2	
Chương 5: Kiểm nghiệm các dạng bào chế	4				4	
Chương 6: Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc	3				2	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Trần Từ An (2017), *Kiểm nghiệm dược phẩm*, Nhà xuất bản Y Học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Đặng Văn Hòa, Vĩnh Định (2017), *Kiểm nghiệm thuốc*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[2] Bộ Y tế (2019), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y Học.

[3] Thái Nguyễn Hùng Thu (2018), *Thực hành tốt phòng thí nghiệm (GLP)*, Nhà xuất bản Y Học

[4] Bộ Y tế (2010), *Đảm bảo chất lượng thuốc & Một số phương pháp kiểm nghiệm thuốc*, Nhà xuất bản Y Học

[5] Bộ Y tế (2018), Thông tư số 11/2018/TT-BYT ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc

9. Kế hoạch giảng dạy học phần/ mô đun

Tuần /buổi	Nội dung chính	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
Tuần 1/Buổi 1	Chương 1: Đại cương	4					
Tuần 1/Buổi 2	Chương 2: Kiểm nghiệm thuốc bằng các phương pháp hóa học	4					2
Tuần 2/Buổi 1	Chương 3: Các phương pháp hóa lý trong kiểm nghiệm thuốc	4					2
Tuần 2/Buổi 2	Chương 4: Kiểm nghiệm thuốc bằng các phương pháp sinh học	4					2
Tuần 3/Buổi 1	Chương 5: Kiểm nghiệm các dạng bào chế	4					4
Tuần 3/Buổi 2	Chương 6: Độ ổn định và tuổi thọ của thuốc	3					2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đề án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức và kỹ năng từ [CLO1] đến [CLO4], mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm từ [CLO5] đến [CLO7]

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO5] đến [CLO7].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các [CLO6], [CLO7]

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự tối thiểu 80% các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt tối thiểu 80 %.
Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần/ mô đun

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%		Từ CLO1 đến CLO7

12.3. Điểm học phần

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm thi TH x 1 + Điểm thi LT x 2)/3

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

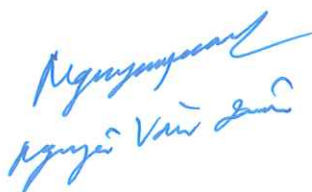
Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)



BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Châu Giang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH KIỂM NGHIỆM THUỐC

*(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)*

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Kiểm nghiệm thuốc
- * Tiếng Việt: Kiểm nghiệm thuốc
- * Tiếng Anh: Pharmaceutical testing
- Mã học phần: PHAR 4121
- Số tín chỉ: 2 (LT/TH: 1,5/0,5)
- Đối tượng học (năm thứ): năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Hóa hữu cơ, Vi sinh, Hóa phân tích, Hóa dược, Bào chế
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30,0 tiết
 - + Thực hành: 15 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 15 tiết
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Kiểm nghiệm thuốc và Độc chất

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Nguyễn Thị Châu Giang	0942721199	lan.huongngoc@gmail.com
2	Nguyễn Thị Vân Anh	0964541313	vananhchempdt@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Vận dụng kiến thức chuyên môn về kiểm nghiệm thuốc kết hợp kiến thức về khoa học cơ bản và chuyên ngành để kiểm tra chất lượng của thuốc	[CDR8]	Thang Bloom 2001-3
Kỹ năng			
MT2	Thực hiện được một số quy trình kiểm nghiệm chế phẩm thông dụng theo Dược điển Việt Nam V.	[CDR8] [CDR9]	Thang Dave 1975-3
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT3	Có khả năng hành nghề chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế; lập kế hoạch, tổ chức, thông tin, ra quyết định, giám sát và đánh giá hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn.	[CDR10] [CDR11]	Thang Krathwohl 1973-3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu của học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
-------------------------------	--------------------------

Mục tiêu của học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
MT1: Vận dụng kiến thức chuyên môn về kiểm nghiệm thuốc kết hợp kiến thức về khoa học cơ bản và chuyên ngành để kiểm tra chất lượng của thuốc	CLO 1: Trình bày được các yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử để đánh giá chất lượng một số dạng bào chế thường gặp CLO 2: Hiểu được các bước tiến hành kiểm nghiệm một số chế phẩm theo ĐĐVN V
MT2: Thực hiện được một số quy trình kiểm nghiệm chế phẩm thông dụng theo Dược điển Việt Nam V.	CLO 3: Sử dụng thành thạo các máy móc, dụng cụ, thiết bị cơ bản trong thực nghiệm kiểm nghiệm để thực hiện được các quy trình kiểm nghiệm nguyên liệu, bán thành phẩm và chế phẩm thông dụng theo ĐĐVN V
MT3: Có khả năng hành nghề chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật, quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện thực tế; lập kế hoạch, tổ chức, thông tin, ra quyết định, giám sát và đánh giá hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn	CLO 4: Có khả năng tổ chức và làm việc theo nhóm; có năng lực giải quyết vấn đề một cách độc lập trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm CLO 5: Tôn trọng pháp luật, thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ để đáp ứng các yêu cầu phát triển nghề nghiệp và phục vụ nhu cầu xã hội

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung của học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun				
	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
Bài 1: Kiểm nghiệm viên nén Vitamin C và thuốc bột NaHCO ₃	3	3	3	3	3
Bài 2: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu thuốc tiêm Vitamin B1 và thuốc nhỏ mắt Cloramphenicol 0.4%	3	3	3	3	3
Bài 3: Kiểm nghiệm viên nén Paracetamol và viên nang Amoxicilin	3	3	3	3	3
Bài 4: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu của thuốc mỡ Tetracyclin 1%	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Kiểm tra chất lượng của một số chế phẩm cụ thể (theo Dược điển Việt Nam).

Học phần này làm nổi bật các [CDR8], [CDR9], [CDR10], [CDR11] trong CDR của CTĐT (Viết chỗ này để sau này viết vào phần đóng góp học phần vào Chương trình đào tạo ở mức nào): I, R, M, hay A:

7. Nội dung chi tiết của học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 1: Kiểm nghiệm viên nén Vitamin C và thuốc bột NaHCO ₃	4	4	Chuẩn bị bài và làm thực hành theo TLTK [2]
Bài 2: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu thuốc tiêm Vitamin B1 và thuốc nhỏ mắt Cloramphenicol 0.4%	4	4	
Bài 3: Kiểm nghiệm viên nén Paracetamol và viên nang Amoxicilin	4	4	
Bài 4: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu của thuốc mỡ Tetracyclin 1%	3	3	

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ Y tế (2017), *Dược điển Việt Nam V*, Nhà xuất bản Y Học.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Các hình thức khác	Báo cáo/ Seminar	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
Tuần 1	Bài 1: Kiểm nghiệm viên nén Vitamin C và	4				4

Tuần /buổi	Nội dung	Giờ giảng của giảng viên (giờ)				
		Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Các hình thức khác	Báo cáo/ Seminar	Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	thuốc bột NaHCO ₃					
Tuần 2	Bài 2: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu thuốc tiêm Vitamin B1 và thuốc nhỏ mắt Cloramphenicol 0.4%	4				4
Tuần 3	Bài 3: Kiểm nghiệm viên nén Paracetamol và viên nang Amoxicilin	4				4
Tuần 4	Bài 4: Kiểm nghiệm một số chỉ tiêu của thuốc mỡ Tetracyclin 1%	4				3

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình

Động não

Từng cặp /Chia sẻ

Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm

Đóng vai

Học dựa vào dự án

Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống

Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Thực hành: mục đích để cung cấp các kỹ năng thao tác chuẩn trong phòng thí nghiệm, kiểm nghiệm được một số các dạng bào chế thông thường như viên nang, viên nén, thuốc bột, thuốc tiêm, thuốc mỡ, hiểu quy trình kiểm nghiệm giúp sinh viên đạt được kỹ năng từ [CLO1] đến [CLO3] và mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm từ [CLO4] đến [CLO5]

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với phần thực hành

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

Chuẩn bị đủ dụng cụ, hóa chất, thiết bị cần thiết để làm thực hành

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự 100% các buổi học thực hành. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 05 phút sau giờ học thực hành bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện việc chuẩn bị bài thực hành, các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự lý thuyết tối thiểu đạt tối thiểu 80 % và thực hành là 100%.

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau

12. Phương pháp đánh giá của học phần/ mô đun

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm (tùy bộ môn)

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần: nghỉ học 1 buổi là không đủ		Đi học đầy đủ, không muộn	

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
	điều kiện thi lý thuyết		quá 05 phút	
	Kết quả thực nghiệm: Đánh giá qua kết quả báo cáo thực nghiệm		$\geq 4/10$ điểm từng bài	CLO1 đến CLO 5
2	Điểm phần thực hành			
	Trung bình cộng của các bài thực hành	100%	$\geq 4/10$ điểm	CLO1 đến CLO 5

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = (Điểm phần TH x 1 + Điểm thi LT x 2)/3

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.

Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Sơn
Nguyễn Văn Sơn

Nguyễn Thị Châu Giang

Nguyễn Thị Châu Giang

GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU DƯỢC LÝ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTVN ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sỹ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:

* Tiếng Việt: Phương pháp nghiên cứu dược lý

* Tiếng Anh: Methods for researching on Pharmacology

- Mã học phần/ mô đun: PHAR 4122

- Số tín chỉ: 02

- Đối tượng học: Năm thứ 4

- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghề nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc X	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	X	<input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Đã học các học phần Sinh lý bệnh và miễn dịch, Bệnh học, Hóa sinh, Hóa dược, Vi sinh - Ký sinh trùng, Dược lý 1, Dược lý 2.

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết

+ Lý thuyết: 30 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 30 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun:

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Nguyễn Thị Minh Thu	0912750167	minhthunimpe@gmail.com
2	ThS. Tô Lê Hồng	0904469316	tolehong512@gmailcom
3	ThS. Tống Thị Mai Vân	0945248815	tongmaivan@gmail.com
4	ThS. Phạm Phương Liên	0904646695	phamphuonglien22339@gmailcom

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] <i>(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</i>	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
Kiến thức			
MT1	Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến một phương pháp nghiên cứu dược lý: đáp ứng của cơ thể động vật, thuốc dùng trong thử nghiệm, chăm sóc động vật,...	CĐR 2	2.5-3.0
MT2	Mô tả được phương pháp sàng lọc tác dụng dược lý của thuốc từ dược thảo và cách chuẩn bị mẫu cho nghiên cứu dược lý.	CĐR 2; CĐR 3; CĐR 4	2.5-3.0
MT3	Giải thích được một số phương pháp thử nghiệm tác dụng dược lý của từng nhóm thuốc	CĐR 2; CĐR 3	2.5-3.0
Kỹ năng			
MT4	Áp dụng được phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và động vật thí nghiệm, cách tính liều an toàn & liều có hiệu quả của thuốc.	CĐR 2; CĐR 4	3.0-3.5
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT5	Luôn có trách nhiệm và ý thức tự nghiên cứu và phối hợp với đồng nghiệp để nâng cao khả năng thực hiện các nghiên cứu thử nghiệm	CĐR 9, CĐR 11	3.5-4.0

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] <i>(Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)</i>	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
	tác dụng dược lý trong thực hành nghề nghiệp		

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973 .

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT1: Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến một phương pháp nghiên cứu dược lý: đáp ứng của cơ thể động vật, thuốc dùng trong thử nghiệm, chăm sóc động vật,...	CDR1: Liệt kê được các yếu tố ảnh hưởng đến một phương pháp nghiên cứu dược lý CDR2: Giải thích được nội dung chi tiết của các yếu tố ảnh hưởng đến phương pháp nghiên cứu dược lý
MT2: Mô tả được phương pháp sàng lọc tác dụng dược lý của thuốc từ dược thảo và cách chuẩn bị mẫu cho nghiên cứu dược lý.	CDR3: Trình bày được phương pháp sàng lọc tác dụng dược lý của thuốc từ dược thảo CDR4: Mô tả được cách chuẩn bị mẫu cho nghiên cứu dược lý.
MT3: Giải thích được một số phương pháp thử nghiệm tác dụng dược lý của từng nhóm thuốc	CDR5: Mô tả được nguyên tắc tiến hành và ý nghĩa của một số phương pháp thử nghiệm tác dụng dược lý của từng nhóm thuốc
Kỹ năng	
MT4: Áp dụng được phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và động vật thí nghiệm, cách tính liều an toàn & liều có hiệu quả của thuốc.	CDR6: Vận dụng phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và động vật thí nghiệm CDR7: Tính được tính liều an toàn & liều có hiệu quả của thuốc
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT5: Luôn có trách nhiệm và ý thức tự nghiên cứu và phối hợp với đồng	CDR8: Có khả năng tự nghiên cứu và phối hợp với đồng nghiệp để nâng cao năng lực nghiên cứu

nghiệp để nâng cao khả năng thực hiện các nghiên cứu thử nghiệm tác dụng dược lý trong thực hành nghề nghiệp	thử nghiệm tác dụng dược lý
--	-----------------------------

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun							
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6	CDR7	CDR8
Những yếu tố ảnh hưởng đến nghiên cứu DL	3	3	3	3	3	3	3	3
Phương pháp sàng lọc tác dụng DL của cây thuốc và cách chuẩn bị mẫu cho nghiên cứu	3	3	3	3	3	3	3	3
Phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả	3	3	3	3	3	3	3	3
Phương pháp xác định liều ED50	3	3	3	3	3	3	3	3
Phương pháp xác định tính an toàn và liều có hiệu quả	3	3	3	3	3	3	3	3
Phương pháp xác định độc tính cấp của thuốc	3	3	3	3	3	3	3	3
Nghiên cứu độc tính bán trường diễn	3	3	3	3	3	3	3	3
Nghiên cứu độc tính tại chỗ	3	3	3	3	3	3	3	3
Nghiên cứu tác dụng hạ glucose máu trên ĐVTN	3	3	3	3	3	3	3	3
Nghiên cứu tác dụng chống tăng lipid của thuốc	3	3	3	3	3	3	3	3
Nghiên cứu tác dụng bảo vệ TB gan của thuốc	3	3	3	3	3	3	3	3
Nghiên cứu tác dụng ức chế điều hòa miễn dịch	3	3	3	3	3	3	3	3
Nghiên cứu tác dụng chống viêm của thuốc	3	3	3	3	3	3	3	3
Nghiên cứu tác dụng giảm	3	3	3	3	3	3	3	3

đau của thuốc								
Nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn in-vitro	3	3	3	3	3	3	3	3
Nghiên cứu tác dụng chống bệnh Alzheimer	3	3	3	3	3	3	3	3
Nghiên cứu tác dụng kháng nấm	3	3	3	3	3	3	3	3
Nghiên cứu tác dụng chống tăng sản tuyến tiền liệt	3	3	3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần “*Phương pháp nghiên cứu Dược lý*” cung cấp các kiến thức cơ bản về những điều kiện cần thiết để tiến hành nghiên cứu dược lý trên thực nghiệm, bao gồm: môi trường thí nghiệm, động vật thí nghiệm, các yếu tố ảnh hưởng đến đáp ứng của cơ thể động vật đối với thuốc, thuốc gây mê dùng cho động vật, cách chăm sóc, sinh sản và quản lý ĐVTN, phương pháp sàng lọc tác dụng dược lý của thuốc từ thảo dược và phương pháp chuẩn bị mẫu dùng cho nghiên cứu dược lý, phương pháp ngoại suy liều có hiệu quả tương đương giữa người và ĐVTN, cách tính liều an toàn & liều có hiệu quả của thuốc, liều ED₅₀.

Đặc biệt, sinh viên còn được học cách tiến hành nhiều phương pháp thử nghiệm tác dụng dược lý của từng nhóm thuốc cụ thể: thử nghiệm độc tính cấp, độc tính trường diễn, độc tính tại chỗ, tác dụng hạ đường huyết, tác dụng chống tăng lipid máu & chống xơ vữa động mạch, tác dụng bảo vệ gan của thuốc, tác dụng ức chế miễn dịch và kháng histamin, tác dụng chống viêm, giảm đau, tác dụng kháng khuẩn *in vitro*, chống nấm, tác dụng chống Alzheimer và tác dụng chống tăng sản tuyến tiền liệt lành tính.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (tiết)				Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/TL /KT	Tổng cộng		
Những yếu tố ảnh hưởng đến nghiên cứu dược lý	2			2	2	Đọc trước tài liệu
Phương pháp sàng lọc tác dụng dược lý của cây thuốc	1			1	1	Đọc trước tài liệu
Phương pháp ngoại suy liều hiệu quả	1			1	1	Đọc trước tài liệu
Phương pháp xác định liều ED50	1			1	1	Đọc trước tài liệu
Phương pháp xác định tính an toàn và liều có hiệu quả	1			2	2	Đọc trước tài liệu
Phương pháp xác định độc tính cấp của thuốc	1			1	1	Đọc trước tài liệu
Nghiên cứu độc tính bán trường diễn	2			2	2	Đọc trước tài liệu
Nghiên cứu độc tính tại chỗ	2			2	2	Đọc trước tài liệu
Nghiên cứu tác dụng hạ glucose máu	2			2	2	Đọc trước tài liệu
Nghiên cứu tác dụng chống tăng lipid máu	2			2	2	Đọc trước tài liệu
Nghiên cứu tác dụng bảo vệ tế bào gan	2			2	2	Đọc trước tài liệu
Nghiên cứu tác dụng ức chế điều hòa miễn dịch	2			2	2	Đọc trước tài liệu
Nghiên cứu tác dụng chống viêm của thuốc	2			2	2	Đọc trước tài liệu
Nghiên cứu tác dụng giảm đau	2			2	2	Đọc trước tài liệu
Nghiên cứu tác dụng kháng khuẩn In-vitro	2			2	2	Đọc trước tài liệu
Nghiên cứu tác dụng chống bệnh	1			1	1	Đọc trước

Alzheimer						tài liệu
Nghiên cứu tác dụng chống vi nấm	2			2	2	Đọc trước tài liệu
Nghiên cứu tác dụng chống tăng sản tuyến tiền liệt	1			1	1	Đọc trước tài liệu

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Viện Dược liệu (2006), *Phương pháp nghiên cứu tác dụng dược lý của thuốc từ dược thảo*, Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. Đỗ Trung Đàm (2014) *Phương pháp xác định độc tính cấp của thuốc*, Nhà xuất bản Y học.

[2]. OECD (2001), “Acute oral toxicity – Acute toxic class method”, *OECD guideline for testing of chemicals*, No. 423.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	8					8
2	8					8
3	8					8
4	6					6

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình: X Động não: X Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm: X Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 8

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR1 đến CDR8

* Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

- Phòng học được trang bị đầy đủ phương tiện dạy học: bàn, ghế, bảng, máy chiếu, đèn, quạt, điều hòa, micro, phấn...

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

- ✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.
- ✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.
- ✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.
- ✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	0	Tham gia trên 80% số buổi học	CĐR1 đến CĐR 8
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,	0	Hoàn thành các bài tập, thảo luận nhóm được giao theo hướng dẫn của giảng viên	CĐR1 đến CĐR 8
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	SV trả lời đúng các câu hỏi trắc nghiệm trên máy tính	CĐR1 đến CĐR8

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. Hướng dẫn thực hiện

- Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Cảnh
Nguyễn Văn Cảnh

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Minh Thu

Nguyễn Thị Minh Thu

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCT ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học; Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần

- Tên học phần: TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC
- * Tiếng Việt: TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC
- * Tiếng Anh: Medicinal Plant Resources
- Mã học phần: PHAR 4123
- Số tín chỉ: 01 TC lý thuyết
- Đối tượng học (năm thứ): 4/5
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
<input type="checkbox"/>		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Các học phần tiên quyết/học trước: Thực vật dược, Dược liệu 1, 2
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 15 tiết
 - + Lý thuyết: 15 tiết
 - + Bài tập: tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: tiết
 - + Kiểm tra: tiết
 - + Thời gian tự học: giờ
- Đơn vị phụ trách học phần: Bộ môn Thực vật – Dược liệu

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	PGS. TS. Nguyễn Duy Thuần	0913328031	thuanhvyd@gmail.com



2	Giảng viên trình giảng theo nhu cầu của bộ môn		
---	--	--	--

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

Mục tiêu [1]	Mô tả mục tiêu [2]	CĐR của CTĐT [3] *	Mức độ [4]
Kiến thức			
MT1	Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về khái niệm của tài nguyên cây thuốc, các giá trị của tài nguyên cây thuốc, các mối đe dọa đối với tài nguyên cây thuốc; tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam	[CĐR4]; [CĐR8]; [CĐR9]	3
MT2	Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu phát triển thuốc từ nguồn tài nguyên cây thuốc	[CĐR4]; [CĐR8]; [CĐR9]	3
MT3	Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.	[CĐR1]; [CĐR4]; [CĐR8]; [CĐR9]	3
Kỹ năng			
Mức độ tự chủ và trách nhiệm			
MT4	Nhận thức được tầm quan trọng của tài nguyên cây thuốc, vai trò của việc sử dụng, bảo vệ và phát triển thuốc có nguồn gốc dược liệu.	[CĐR11]	3
MT5	Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý; Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược liệu.	[CĐR10]	3

4. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần	CĐR của học phần
Kiến thức	
MT1: Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về khái niệm của tài nguyên cây thuốc, các giá trị của tài nguyên	CĐR1: Vận dụng các kiến thức cơ bản về khái niệm của tài nguyên cây thuốc, các giá trị của tài nguyên cây thuốc, các mối đe dọa

cây thuốc, các mối đe dọa đối với tài nguyên cây thuốc; tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam	đối với tài nguyên cây thuốc; tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam
MT2: Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu phát triển thuốc từ nguồn tài nguyên cây thuốc	CDR2: Vận dụng các kiến thức cơ bản về bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu phát triển thuốc từ nguồn tài nguyên cây thuốc
MT3: Vận dụng được các kiến thức cơ bản để phân tích và cho ví dụ về các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.	CDR3: Vận dụng các kiến thức cơ bản về các nguyên tắc và phương pháp đánh giá chất lượng dược liệu; các nguyên tắc chung của trồng trọt, thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP.
Kỹ năng	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT4: Nhận thức được tầm quan trọng của tài nguyên cây thuốc, vai trò của việc sử dụng, bảo vệ và phát triển thuốc có nguồn gốc dược liệu.	CDR4: Nhận thức về tầm quan trọng của tài nguyên cây thuốc, vai trò của việc sử dụng, bảo vệ và phát triển thuốc có nguồn gốc dược liệu.
MT5: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý; Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược liệu.	CDR5: Chủ động ứng dụng hiệu quả, có trách nhiệm các kiến thức và kỹ năng trong sử dụng thuốc có nguồn gốc dược liệu an toàn, hiệu quả, hợp lý CDR6: Có tinh thần cầu tiến, năng lực tự học, tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn về dược liệu.

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra học phần					
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6
Nội dung 1. Tài nguyên cây thuốc	3	3	1	2	2	2
Nội dung 2. Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP	1	2	3	3	2	2

6. Mô tả học phần (Vị trí, vai trò của học phần đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần)

Học phần Tài nguyên cây thuốc dành cho đối tượng Dược sĩ đại học là học phần quan trọng trong chương trình đào tạo Dược sĩ đại học, giữ vai trò trong việc cung cấp cho người học khái niệm, giá trị của tài nguyên cây thuốc, các mối đe dọa đối với tài nguyên cây thuốc; hiện trạng nguồn tài nguyên cây thuốc trên thế giới và ở Việt Nam; các phương pháp bảo tồn, phát triển tài nguyên cây thuốc và nghiên cứu phát triển thuốc từ nguồn tài nguyên cây thuốc; trồng cây thuốc và thu hái dược liệu hoang dã theo tiêu chuẩn GACP.

Từ đó người học có thể nhận biết được tầm quan trọng của dược liệu và thuốc cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe, góp phần bảo tồn và phát triển dược liệu, thuốc cổ truyền.

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/TL/KT	Tổng cộng		
1. Tài nguyên cây thuốc						<i>Đọc quyển "Tài nguyên cây thuốc" và TLTK</i>
Đại cương về Tài nguyên cây thuốc	2			2		
TNCT trên thế giới TNCT ở Việt Nam	2			2		
Bảo tồn và phát triển tài nguyên cây thuốc	2			2		
Nghiên cứu phát triển thuốc từ nguồn TNCT	3			3		
2. Trồng cây thuốc và thu hái dược liệu theo tiêu chuẩn GACP	6			6		<i>Đọc TT 19/2019/TT- BYT</i>

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

1. Vũ Đức Lợi, Nguyễn Tiên Vững, Lê Thị Thu Hương (2016), *Tài nguyên cây thuốc*, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ Y tế (2007), *Thực vật học – Sách đào tạo Dược sĩ đại học*, NXB Y học
2. Bộ Y tế (2019), *Thông tư 19/2019/TT-BYT Quy định thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên*

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần học	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
01	4					
02	4					
03	4					
04	3					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CĐR 1 đến CĐR 3.

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 3.

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CĐR 1 đến CĐR 3.

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CĐR 4 đến CĐR 6.

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần

Giảng dạy trực tiếp: phấn bảng, máy chiếu, màn chiếu, loa mic (nếu cần)

Giảng dạy trực tuyến: máy tính có nối mạng Internet, account giảng dạy có bản quyền.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên (nếu có), thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80%.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế (nếu có).

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần	Điều kiện dự thi kết thúc học phần	Tham gia dự lớp tối thiểu 80% số tiết học	CĐR 4 đến CĐR 7
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn,			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần			
	- Trắc nghiệm trên máy tính (TH SV thi trực tiếp tại HV) - Tự luận/ Báo cáo tiểu luận (TH SV thi trực tuyến)	100% điểm học phần	Đạt điểm tối thiểu 4/10	CĐR 1 đến CĐR 4

12.3. Điểm học phần

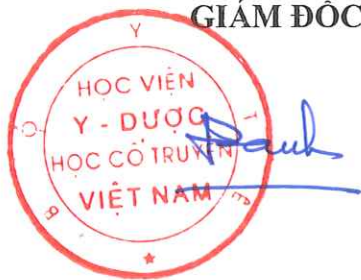
Điểm học phần là Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ)

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

GIÁM ĐỐC



TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Thị Thu Hiền
Nguyễn Văn Tuấn

BỘ MÔN

Trần Thị Thu Hiền



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
DỊCH TỄ DƯỢC HỌC**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598/QĐ-HVYDHCTM ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: dược sĩ trình độ đại học, Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Dịch tễ dược học
- * Tiếng Anh: Pharmacological epidemiology
- Mã học phần/ mô đun: PHAR4124
- Số tín chỉ: 2
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước:
- Số tiết đối với các hoạt động học tập: 30 tiết
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 0 giờ



- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Quản lý và Kinh tế dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS Nguyễn Văn Quân	0975399782	quanphuongduoc@gmail.com
2	ThS Trần Thị Hồng Nhung	0979428801	nhungtrandkh@gmail.com
3	DS Nguyễn Thị Thơm	0336011685	0336011685

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Kiến thức			
MT1	Hiểu biết được kiến thức dịch tễ học để tổng quan tài liệu, phương pháp luận khoa học trong dịch tễ dược học về vấn đề nghiên cứu	[CDR1] [CDR3] [CDR6] [CDR7] [CDR8] [CDR9]	3
MT2	Trình bày được kiến thức dịch tễ học trong nghiên cứu cung ứng sử dụng thuốc và đánh giá hiệu quả điều trị của thuốc trong cộng đồng	[CDR1] [CDR3] [CDR6] [CDR7] [CDR8] [CDR9]	3
MT3	Trình bày được phương pháp nghiên cứu	[CDR3]	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	để thiết kế nghiên cứu đánh giá về hiệu quả của thuốc trong nghiên cứu lâm sàng	[CDR6] [CDR7] [CDR8] [CDR9]	
	Kỹ năng		
MT4	- Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày - Kỹ năng viết báo cáo tiểu luận theo đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dịch tễ học	[CDR1] [CDR3] [CDR6] [CDR7] [CDR8] [CDR9]	3
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT5	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	[CDR10] [CDR11]	3

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
MT1: Hiểu biết được kiến thức dịch tễ học để tổng quan tài liệu, phương pháp luận khoa học trong	CLO1: Hiểu biết được phương pháp lựa chọn và nêu vấn đề nghiên cứu, các tài liệu nghiên cứu liên quan đến vấn đề lựa chọn trong lĩnh vực dịch tễ -

<p>dịch tễ dược học về vấn đề nghiên cứu.</p> <p>MT2: Trình bày được kiến thức dịch tễ học trong nghiên cứu cung ứng sử dụng thuốc và đánh giá hiệu quả điều trị của thuốc trong cộng đồng.</p> <p>MT3: Trình bày được phương pháp nghiên cứu để thiết kế nghiên cứu đánh giá về hiệu quả của thuốc trong nghiên cứu lâm sàng</p>	<p>dược lực – dược động học</p> <p>CLO 2: Hiểu biết được kiến thức về dịch tễ học áp dụng lựa chọn đối tượng nghiên cứu và các phương pháp nghiên cứu dịch tễ học; thiết kế nghiên cứu theo các mục tiêu với cỡ mẫu phù hợp;</p> <p>CLO3: Vận dụng được kiến thức về dịch tễ học để áp dụng thiết kế bộ câu hỏi nghiên cứu thu thập dữ liệu theo các bước nghiên cứu thực tiễn, khoa học và logic; phân tích chi tiêu nghiên cứu và xử lý số liệu thu thập với đạo đức y học.</p> <p>CLO 4: Vận dụng được kiến thức về dịch tễ học áp dụng xây dựng phương pháp đánh giá nhanh cung ứng và sử dụng thuốc trong cộng đồng với đạo đức nghề nghiệp.</p>
Kỹ năng	
<p>- Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày</p> <p>- Kỹ năng viết báo cáo tiểu luận theo đề tài nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực dịch tễ học</p>	<p>CLO 5: Vận dụng kiến thức về dược lý, dược lâm sàng, phương pháp nghiên cứu khoa học, thử nghiệm lâm sàng thể hiện kỹ năng chuẩn bị các bản báo cáo trình bày học tập mang tính khoa học, phản biện dễ hiểu và truyền cảm và sáng tạo.</p> <p>CLO 6: Vận dụng kiến thức đã học vào kỹ năng viết đề trong nghiên cứu khoa học dịch tễ dược.</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc</p>	<p>CLO 7: Có đạo đức nghề nghiệp. Tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập mang tính kỷ luật cao.</p>

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun (CLO)						
	1	2	3	4	5	6	7

Chương 1: Khái niệm dịch tễ dược học và phương pháp nghiên cứu của dịch tễ dược học	2		2				
Chương 2: Các thiết kế nghiên cứu dịch tễ dược học		3	3		2	2	
Chương 3: Mẫu trong nghiên cứu dịch tễ dược học		2	2		2	2	
Chương 4: Các phương pháp thu thập dữ liệu nghiên cứu			3		2	2	
Chương 5: Thiết kế bộ câu hỏi nghiên cứu			3		2	2	
Chương 6: Các phương pháp xử lý và phân tích số liệu nghiên cứu và các chỉ số nghiên cứu			3			2	
Chương 7: Phương pháp đánh giá nhanh cung ứng và sử dụng thuốc trong cộng đồng				3			
Chương 8: Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học							2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

6.1. Vị trí/vai trò của học phần:

Học phần Dịch tễ dược học ra đời trong lúc sự phát triển của khoa học công nghệ, sự phát triển ra các loại dược phẩm mang lại to lớn trong việc điều trị các bệnh dịch và các bệnh hiểm nghèo, cải thiện tốt hơn chăm sóc sức khỏe cho con người. Đây là môn khoa học nghiên cứu về sử dụng thuốc và hiệu quả sử dụng thuốc trong cộng đồng. Do vậy, việc trang bị kiến thức dịch tễ dược cho sinh viên dược là rất cần thiết

6.2. Mục đích và nội dung chính yếu

Học phần Dịch tễ dược học với mục đích trang bị cho sinh viên dược những nội dung chính yếu sau:

- Những kiến thức về phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu sức khỏe, một công cụ đặc lực và tin cậy trong việc chứng minh và xác lập các quan hệ nhân quả phục vụ sức khỏe con người

- Những kỹ năng cơ bản của phương pháp nghiên cứu cung ứng sử dụng thuốc và đánh giá hiệu quả điều trị của thuốc trong cộng đồng

- Những kỹ năng cần thiết để thiết kế nghiên cứu đánh giá về hiệu quả của thuốc trong nghiên cứu lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học				Tự học (Giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					
	LT	TH	BT/ TL/KT	Tổng cộng		
<p>CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM DỊCH TỄ DƯỢC HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA DỊCH TỄ DƯỢC HỌC</p> <p>MỞ ĐẦU</p> <p>1. Khái niệm dịch tễ dược học</p> <p>1.1. Dịch tễ dược học là gì (định nghĩa, mối quan hệ giữa dịch tễ dược học và dược lý học lâm sàng và với dịch tễ học)</p> <p>1.2. Sự ra đời và phát triển của dịch tễ dược học</p> <p>1.3. Tiến trình xét duyệt để công nhận thuốc mới qua 4 giai đoạn thử nghiệm</p> <p>2. Phương pháp nghiên cứu của dịch tễ dược học</p> <p>2.1. Khái niệm về mẫu và quần thể nghiên cứu (mẫu nghiên cứu, quần thể nghiên cứu và quần thể định danh, đơn vị quan sát và đơn vị mẫu, mối liên quan giữa mẫu và quần thể nghiên cứu)</p> <p>2.2. Điều tra chọn mẫu</p> <p>2.3. Phương pháp nghiên cứu dịch tễ dược học</p>	4			4		<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phân biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>

KẾT LUẬN					
<p>CHƯƠNG 2: CÁC THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU DỊCH TỄ DƯỢC HỌC MỞ ĐẦU</p> <p>1. Thiết kế nghiên cứu mô tả</p> <p>1.1. Mô tả các trường hợp đặc biệt</p> <p>1.2. Mô tả chùm sự kiện hay chùm bệnh</p> <p>1.3. mô tả cộng đồng hay đánh giá nhu cầu cộng đồng</p> <p>1.4. Mô tả dịch tễ học về tình hình bệnh tật</p> <p>1.5. Nghiên cứu cắt ngang mang tính mô tả hay điều tra cộng đồng</p> <p>1.6. Nghiên cứu mô tả sinh học</p> <p>1.7. các chỉ số đánh giá trong nghiên cứu mô tả</p> <p>2. Thiết kế nghiên cứu phân tích</p> <p>2.1. Nghiên cứu cắt ngang mang tính phân tích</p> <p>2.2. Phân tích xu hướng</p> <p>2.3. Nghiên cứu bệnh - chứng (có đối chứng)</p> <p>2.4. Nghiên cứu thuần tập</p> <p>2.5. So sánh nghiên cứu thuần tập và nghiên cứu bệnh chứng</p> <p>3. Nghiên cứu thử nghiệm (can thiệp)</p> <p>3.1. Thiết kế nghiên cứu can thiệp không đối chứng (Trước-Sau)</p> <p>3.2. Thiết kế can thiệp có đối chứng</p> <p>3.3. Thiết kế can thiệp ngẫu nhiên có đối chứng</p> <p>3.4. Các loại nghiên cứu can thiệp</p>	4		4		<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>

3.5. Ưu, nhược điểm KẾT LUẬN						
CHƯƠNG 3: MẪU TRONG NGHIÊN CỨU DỊCH TỄ DƯỢC HỌC MỞ ĐẦU 1. Các yếu tố ảnh hưởng đến mẫu nghiên cứu 1.1. Yêu cầu về mẫu nghiên cứu 1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến mẫu nghiên cứu 2. Xác định cỡ mẫu nghiên cứu 2.1. các bước để tính toán cỡ mẫu 2.2. Cỡ mẫu cho thiết kế nghiên cứu mô tả 2.3. Cỡ mẫu cho thiết kế nghiên cứu phân tích 2.4. Cỡ mẫu cho quần thể hữu hạn 3. Kỹ thuật chọn mẫu nghiên cứu 3.1. Kỹ thuật chọn mẫu xác suất 3.2. Kỹ thuật chọn mẫu không xác suất KẾT LUẬN	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp
CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG PHÁP THU THẬP DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU MỞ ĐẦU 1. Phỏng vấn 1.1. Phỏng vấn sâu 1.2. Phỏng vấn cấu trúc 1.3. Thảo luận nhóm tập trung 2. Phương pháp quan sát 2.1. Khái niệm 2.2. Các hình thức quan sát 2.3 Yêu cầu của phương pháp quan sát 2.4. Ưu, nhược điểm của phương pháp quan sát	4			4		Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp

<p>2.5. Cách quan sát để đạt hiệu quả cao</p> <p>3. Nghiên cứu tài liệu</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Yêu cầu của phương pháp</p> <p>3.3. Ưu, nhược điểm của phương pháp nghiên cứu tài liệu</p> <p>KẾT LUẬN</p>					
<p>CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ BỘ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU</p> <p>MỞ ĐẦU</p> <p>1. Bộ câu hỏi nghiên cứu là gì?</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Vai trò của bộ câu hỏi nghiên cứu</p> <p>1.3. Cấu trúc bộ câu hỏi nghiên cứu</p> <p>1.4. Yêu cầu của một bộ câu hỏi nghiên cứu</p> <p>2. Các loại câu hỏi nghiên cứu</p> <p>2.1. Câu hỏi theo nội dung</p> <p>2.2. Câu hỏi có hay không có câu trả lời chuẩn bị trước</p> <p>2.3. Câu hỏi theo chức năng</p> <p>2.4. Những chú ý khi đặt câu hỏi</p> <p>3.Thang đo và tạo thang đo</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2.Vai trò và vị trí của thang đo</p> <p>3.3. Đặc điểm chung của thang đo</p> <p>3.4. Các loại thang đo</p> <p>3.5.Các tiêu chuẩn để đánh giá thang đo</p> <p>4. Thiết kế bộ câu hỏi</p> <p>4.1. Những vấn đề cần thực hiện trước khi thiết kế bộ câu hỏi</p> <p>4.2. Các giai đoạn thiết kế bộ câu hỏi</p> <p>4.3 Các bước để xây dựng bộ câu hỏi</p> <p>4.4. Chú ý đối với người được hỏi</p>	4				<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phân biệt, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>

<p>5.Quá trình phỏng vấn KẾT LUẬN</p>						
<p>CHƯƠNG 6: CÁC PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ CÁC CHỈ SỐ NGHIÊN CỨU MỞ ĐẦU 1. Xử lý số liệu nghiên cứu 1.1.Phân loại và làm sạch số liệu 1.2.Đánh giá độ tập trung của số liệu 1.3. Đánh giá độ phân tán của số liệu 2.Phân tích thống kê số liệu nghiên cứu 2.1.Nghiên cứu mô tả 2.2. Nghiên cứu phân tích 3. Phương pháp phân tích đồ thị 3.1.Biểu đồ hình cột 3.2. Biểu đồ điện tích 3.3. Biểu đồ tượng hình 3.4.Biểu đồ đường gấp khúc 3.5.Biểu đồ hình mạng nhện 4. Phương pháp phân tích tương quan 4.1.Liên hệ tương quan và phương pháp phân tích tương quan 4.2.Phân tích mối quan hệ tương quan giữa các tiêu thức biến đổi theo không gian 4.3.Phân tích mối liên hệ tương quan giữa hai chỉ tiêu biến động theo thời gian 5. Chỉ số nghiên cứu là gì? 5.1. Khái niệm về chỉ số nghiên cứu 5.2. Vai trò của chỉ số nghiên cứu</p>	4			3		<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>

<p>6. Các chỉ số đánh giá sử dụng thuốc</p> <p>6.1. Vai trò của các chỉ số sử dụng thuốc</p> <p>6.2. Mục tiêu của nghiên cứu sử dụng thuốc</p> <p>6.3. Các loại chỉ số đánh giá sử dụng thuốc</p> <p>6.4. Những câu hỏi bổ sung cho các chỉ số quan trọng</p> <p>KẾT LUẬN</p>					
<p>CHƯƠNG 7: PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NHANH CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG THUỐC TRONG CỘNG ĐỒNG</p> <p>MỞ ĐẦU</p> <p>1. Giới thiệu</p> <p>2. Sự cần thiết phải tìm hiểu tình hình cung ứng và sử dụng thuốc trong cộng đồng : 4 lý do</p> <p>3. Xây dựng bộ công cụ nghiên cứu</p> <p>3.1. Đối với trung tâm y tế hoặc trạm y tế</p> <p>3.2. Đối với cộng đồng: người sử dụng</p> <p>3.3. Đối với các nhân viên y tế</p> <p>4. Chọn mẫu</p> <p>5. Tiến trình khảo sát (8 bước)</p> <p>6. Xử lý và phân tích số liệu</p> <p>6.1. Những chỉ số được sử dụng tại các trung tâm hoặc trạm y tế</p> <p>6.2. Những chỉ số được sử dụng tại cộng đồng</p> <p>KẾT LUẬN</p>	4				<p>Chuẩn bị bài trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>
<p>CHƯƠNG 8: ĐẠO ĐỨC TRONG</p>	2				Chuẩn bị bài

<p>NGHIÊN CỨU Y SINH HỌC</p> <p>MỞ ĐẦU</p> <p>1. Giới thiệu</p> <p>2. Tuyên ngôn Helsinki</p> <p>2.1. Những nội dung cơ bản</p> <p>2.2. Thủ tục đánh giá</p> <p>3. Quy định về vấn đề đạo đức trong các nghiên cứu y sinh học của Việt Nam</p> <p>3.1. Hội đồng đạo đức nghiên cứu y sinh học</p> <p>3.2. Nội dung các nghiên cứu y sinh học</p> <p>3.3. Nội dung xem xét đánh giá của hội đồng đạo đức</p> <p>4. Những đối tượng cần lưu ý</p> <p>4.1. Trẻ em</p> <p>4.2. Phụ nữ có thai và đang trong thời kỳ cho con bú</p> <p>4.3. Người khiếm khuyết và bị bệnh tâm thần</p> <p>4.4. Các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khác</p> <p>4.5. nghiên cứu dựa vào cộng đồng</p> <p>KẾT LUẬN</p>						<p>trước cả về báo cáo slide theo nhóm; Đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới; chấp hành nội quy học tập của lớp</p>
--	--	--	--	--	--	---

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1]. Bộ Y tế (2014). *Dịch tễ dược học*, Nhà xuất bản Y học 2014

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1]. **BS Klaus Krickeberg, Phan Vũ Diễm Hằng, Nguyễn Văn Sơn.** *Dịch tễ học – chìa khóa của dự phòng*, Trường đại học Y Thái Bình, 2014.

[2]. **Trường đại học Dược Hà Nội (2020).** *Dược cộng đồng*, Nhà xuất bản Y học năm 2020

[3]. **Trường đại học Y Hà Nội.** *Dịch tễ học lâm sàng tập 1*, Nhà xuất bản Y học, năm 2013.

[4]. Dương Đình Thiện. Dịch tễ học các bệnh truyền nhiễm. Nhà xuất bản Y học, 2006

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, chuẩn bị bài trước (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Hình thức khác	
1	<p>CHƯƠNG 1: KHÁI NIỆM DỊCH TỄ DƯỢC HỌC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA DỊCH TỄ DƯỢC HỌC MỞ ĐẦU</p> <p>1. Khái niệm dịch tễ dược học</p> <p>1.1. Dịch tễ dược học là gì (định nghĩa, mối quan hệ giữa dịch tễ dược học và dược lý học lâm sàng và với dịch tễ học)</p> <p>1.2. Sự ra đời và phát triển của dịch tễ dược học</p> <p>1.3. Tiến trình xét duyệt để công nhận thuốc mới qua 4 giai đoạn thử nghiệm</p> <p>2. Phương pháp nghiên cứu của dịch tễ dược học</p> <p>2.1. Khái niệm về mẫu và quần thể nghiên cứu (mẫu nghiên cứu, quần thể nghiên cứu và quần thể định danh, đơn vị quan sát và đơn vị mẫu, mối liên quan giữa mẫu và quần thể nghiên cứu)</p>	4					4

	<p>2.2. Điều tra chọn mẫu</p> <p>2.3. Phương pháp nghiên cứu dịch tễ dược học</p> <p>KẾT LUẬN</p>						
2	<p>CHƯƠNG 2: CÁC THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU DỊCH TỄ DƯỢC HỌC</p> <p>MỞ ĐẦU</p> <p>1. Thiết kế nghiên cứu mô tả</p> <p>1.1. Mô tả các trường hợp đặc biệt</p> <p>1.2. Mô tả chùm sự kiện hay chùm bệnh</p> <p>1.3. mô tả cộng đồng hay đánh giá nhu cầu cộng đồng</p> <p>1.4. Mô tả dịch tễ học về tình hình bệnh tật</p> <p>1.5. Nghiên cứu cắt ngang mang tính mô tả hay điều tra cộng đồng</p> <p>1.6. Nghiên cứu mô tả sinh học</p> <p>1.7. các chỉ số đánh giá trong nghiên cứu mô tả</p> <p>2. Thiết kế nghiên cứu phân tích</p> <p>2.1. Nghiên cứu cắt ngang mang tính phân tích</p> <p>2.2. Phân tích xu hướng</p> <p>2.3. Nghiên cứu bệnh - chứng (có đối chứng)</p> <p>2.4. Nghiên cứu thuần tập</p> <p>2.5. So sánh nghiên cứu</p>	4					4

	<p>thuần tập và nghiên cứu bệnh chứng</p> <p>3. Nghiên cứu thử nghiệm (can thiệp)</p> <p>3.1. Thiết kế nghiên cứu can thiệp không đối chứng (Trước-Sau)</p> <p>3.2. Thiết kế can thiệp có đối chứng</p> <p>3.3. Thiết kế can thiệp ngẫu nhiên có đối chứng</p> <p>3.4. Các loại nghiên cứu can thiệp</p> <p>3.5. Ưu, nhược điểm</p> <p>KẾT LUẬN</p>						
3	<p>CHƯƠNG 3: MẪU TRONG NGHIÊN CỨU DỊCH TỄ DƯỢC HỌC</p> <p>MỞ ĐẦU</p> <p>1. Các yếu tố ảnh hưởng đến mẫu nghiên cứu</p> <p>1.1. Yêu cầu về mẫu nghiên cứu</p> <p>1.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến mẫu nghiên cứu</p> <p>2. Xác định cỡ mẫu nghiên cứu</p> <p>2.1. các bước để tính toán cỡ mẫu</p> <p>2.2. Cỡ mẫu cho thiết kế nghiên cứu mô tả</p> <p>2.3. Cỡ mẫu cho thiết kế nghiên cứu phân tích</p> <p>2.4. Cỡ mẫu cho quần thể</p>	4					4

	<p>hữu hạn</p> <p>3. Kỹ thuật chọn mẫu nghiên cứu</p> <p>3.1. Kỹ thuật chọn mẫu xác suất</p> <p>3.2. Kỹ thuật chọn mẫu không xác suất</p> <p>KẾT LUẬN</p>						
4	<p>CHƯƠNG 4: CÁC PHƯƠNG PHÁP THU THẬP DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU</p> <p>MỞ ĐẦU</p> <p>1. Phỏng vấn</p> <p>1.1. Phỏng vấn sâu</p> <p>1.2. Phỏng vấn cấu trúc</p> <p>1.3. Thảo luận nhóm tập trung</p> <p>2. Phương pháp quan sát</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Các hình thức quan sát</p> <p>2.3 Yêu cầu của phương pháp quan sát</p> <p>2.4. Ưu, nhược điểm của phương pháp quan sát</p> <p>2.5. Cách quan sát để đạt hiệu quả cao</p> <p>3. Nghiên cứu tài liệu</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2. Yêu cầu của phương pháp</p> <p>3.3. Ưu, nhược điểm của phương pháp nghiên cứu tài liệu</p>	4					4

	KẾT LUẬN					
5	<p>CHƯƠNG 5: THIẾT KẾ BỘ CÂU HỎI NGHIÊN CỨU</p> <p>MỞ ĐẦU</p> <p>1. Bộ câu hỏi nghiên cứu là gì?</p> <p>1.1. Khái niệm</p> <p>1.2. Vai trò của bộ câu hỏi nghiên cứu</p> <p>1.3. Cấu trúc bộ câu hỏi nghiên cứu</p> <p>1.4. Yêu cầu của một bộ câu hỏi nghiên cứu</p> <p>2. Các loại câu hỏi nghiên cứu</p> <p>2.1. Câu hỏi theo nội dung</p> <p>2.2. Câu hỏi có hay không có câu trả lời chuẩn bị trước</p> <p>2.3. Câu hỏi theo chức năng</p> <p>2.4. Những chú ý khi đặt câu hỏi</p> <p>3.Thang đo và tạo thang đo</p> <p>3.1. Khái niệm</p> <p>3.2.Vai trò và vị trí của thang đo</p> <p>3.3. Đặc điểm chung của thang đo</p> <p>3.4. Các loại thang đo</p> <p>3.5.Các tiêu chuẩn để đánh giá thang đo</p> <p>4. Thiết kế bộ câu hỏi</p> <p>4.1. Những vấn đề cần thực</p>	4				4

	<p>hiện trước khi thiết kế bộ câu hỏi</p> <p>4.2. Các giai đoạn thiết kế bộ câu hỏi</p> <p>4.3 Các bước để xây dựng bộ câu hỏi</p> <p>4.4. Chú ý đối với người được hỏi</p> <p>5.Quá trình phỏng vấn</p> <p>KẾT LUẬN</p>						
6	<p>CHƯƠNG 6: CÁC PHƯƠNG PHÁP XỬ LÝ VÀ PHÂN TÍCH SỐ LIỆU NGHIÊN CỨU VÀ CÁC CHỈ SỐ NGHIÊN CỨU</p> <p>MỞ ĐẦU</p> <p>1. Xử lý số liệu nghiên cứu</p> <p>1.1.Phân loại và làm sạch số liệu</p> <p>1.2.Đánh giá độ tập trung của số liệu</p> <p>1.3. Đánh giá độ phân tán của số liệu</p> <p>2.Phân tích thống kê số liệu nghiên cứu</p> <p>2.1.Nghiên cứu mô tả</p> <p>2.2. Nghiên cứu phân tích</p> <p>3. Phương pháp phân tích đồ thị</p> <p>3.1.Biểu đồ hình cột</p> <p>3.2. Biểu đồ diện tích</p> <p>3.3. Biểu đồ tượng hình</p> <p>3.4.Biểu đồ đường gấp khúc</p> <p>3.5.Biểu đồ hình mạng nhện</p>	4					4

	<p>4. Phương pháp phân tích tương quan</p> <p>4.1. Liên hệ tương quan và phương pháp phân tích tương quan</p> <p>4.2. Phân tích mối quan hệ tương quan giữa các tiêu thức biến đổi theo không gian</p> <p>4.3. Phân tích mối liên hệ tương quan giữa hai chỉ tiêu biến động theo thời gian</p> <p>5. Chỉ số nghiên cứu là gì?</p> <p>5.1. Khái niệm về chỉ số nghiên cứu</p> <p>5.2. Vai trò của chỉ số nghiên cứu</p> <p>6. Các chỉ số đánh giá sử dụng thuốc</p> <p>6.1. Vai trò của các chỉ số sử dụng thuốc</p> <p>6.2. Mục tiêu của nghiên cứu sử dụng thuốc</p> <p>6.3. Các loại chỉ số đánh giá sử dụng thuốc</p> <p>6.4. Những câu hỏi bổ sung cho các chỉ số quan trọng</p> <p>KẾT LUẬN</p>						
7	<p>CHƯƠNG 7: PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ NHANH CUNG ỨNG VÀ SỬ DỤNG THUỐC TRONG CỘNG ĐỒNG MỞ ĐẦU</p> <p>1. Giới thiệu</p>	4					4

	<p>2. Sự cần thiết phải tìm hiểu tình hình cung ứng và sử dụng thuốc trong cộng đồng : 4 lý do</p> <p>3. Xây dựng bộ công cụ nghiên cứu</p> <p>3.1. Đối với trung tâm y tế hoặc trạm y tế</p> <p>3.2. Đối với cộng đồng: người sử dụng</p> <p>3.3. Đối với các nhân viên y tế</p> <p>4. Chọn mẫu</p> <p>5. Tiến trình khảo sát (8 bước)</p> <p>6. Xử lý và phân tích số liệu</p> <p>6.1. Những chi số được sử dụng tại các trung tâm hoặc trạm y tế</p> <p>6.2. Những chi số được sử dụng tại cộng đồng</p> <p style="text-align: center;">KẾT LUẬN</p>						
8	<p>CHƯƠNG 8: ĐẠO ĐỨC TRONG NGHIÊN CỨU Y SINH HỌC</p> <p>MỞ ĐẦU</p> <p>1. Giới thiệu</p> <p>2. Tuyên ngôn Helsinki</p> <p>2.1. Những nội dung cơ bản</p> <p>2.2. Thủ tục đánh giá</p> <p>3. Quy định về vấn đề đạo đức trong các nghiên cứu y sinh học của Việt Nam</p>	2					2

	<p>3.1. Hội đồng đạo đức nghiên cứu y sinh học</p> <p>3.2. Nội dung các nghiên cứu y sinh học</p> <p>3.3. Nội dung xem xét đánh giá của hội đồng đạo đức</p> <p>4. Những đối tượng cần lưu ý</p> <p>4.1. Trẻ em</p> <p>4.2. Phụ nữ có thai và đang trong thời kỳ cho con bú</p> <p>4.3. Người khiếm khuyết và bị bệnh tâm thần</p> <p>4.4. Các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khác</p> <p>4.5. nghiên cứu dựa vào cộng đồng</p> <p style="text-align: center;">KẾT LUẬN</p>						
--	--	--	--	--	--	--	--

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO4].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO5] đến [CLO7].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ [CLO5] đến [CLO7].

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ [CLO5] đến [CLO7].

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm
Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %;

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần, học tập nhóm,, báo cáo, trình bày	20%	≥ 4	CĐR 6 và CĐR7
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn..			
	Thực hành			
2.	Điểm thi kết thúc học phần/modul			
	Tiểu luận	80%	≥ 4	CĐR1 đến CĐR7

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm đánh giá kết thúc học phần = Điểm tiểu luận bao gồm: Hình thức (20%) + nội dung (60%) + Trách nhiệm tham gia học tập, học tập nhóm, trình bày, báo cáo (20%)

Điểm đánh giá kết thúc học phần ≥ 4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Ngọc
Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN/ MÔ ĐUN
Y LÝ Y HỌC CỔ TRUYỀN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 598 ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ trình độ đại học

Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun: Y lý Y học cổ truyền
- * Tiếng Việt: Y lý Y học cổ truyền
- * Tiếng Anh: Reasoning of Traditional Medicine
- Mã học phần/ mô đun: TRAD 4121
- Số tín chỉ: 2,0 (2,0 LT/0 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input checked="" type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Các môn học cơ sở ngành
- Số tiết đối với các hoạt động học tập:
 - + Lý thuyết: 30 tiết
 - + Thực hành/ Lâm sàng: 0 tiết
 - + Bài tập: 0 tiết
 - + Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết
 - + Kiểm tra: 0 tiết
 - + Thời gian tự học: 0 tiết



- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Y lý Y học cổ truyền

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	TS. Trần Thị Hồng Ngải	091550889	ngaidytw72@yahoo.com
2	TS. Nguyễn Duy Tuân	0828991883	tuanzibi@gmail.com
3	ThS. Lưu Minh Trung	0395566604	bs.minhtrung.71@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Thu Trang	0982626725	trangnguyen0087@gmail.com
5	Ths. Nguyễn Phạm Thu Mây	0981919886	Bsthumay@gmail.com
6	Ths. Nguyễn Thị Lan	0383159757	lannguyenhn88@gmail.com
7	Ths. Nguyễn Thị Huyền	0983023404	Nguyenhuyen.yhcthn@gmail.com
8	Ths. Nguyễn Trường Nam	0985180858	bstruongnam.nguyen@gmail.com
9	Ths. Lê Đức Khang	0972499865	Khang.leduc@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	Kiến thức		
MT1	Hiểu được Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết tạng tượng, học thuyết kinh lạc.	CDR2,3	3.0
MT2	Vận dụng các quy luật của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT và một số kiến thức về khám, chẩn đoán học Y học cổ truyền vào công tác chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bào chế thuốc, điều trị.	CDR 2,3	4.0
	Kỹ năng		
MT4	- Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến	CDR9	3.0

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CĐR cấp độ 3 của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày.		
	Mức độ tự chủ và trách nhiệm		
MT5	Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc.	CĐ11	3.0

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CĐR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CĐR của học phần/ mô đun (CLO)
Kiến thức	
<p>MT1: Hiểu được Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết tạng tượng, học thuyết kinh lạc</p> <p>MT2: Vận dụng các quy luật của các học thuyết cơ bản trong hệ thống lý luận YHCT và một số kiến thức về khám, chẩn đoán học Y học cổ truyền vào công tác chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bào chế thuốc, điều trị</p>	<p>CLO1: Hiểu được học thuyết âm dương, ngũ hành, tạng tượng, kinh lạc và các nguyên nhân gây bệnh</p> <p>CLO 2: Ứng dụng của học thuyết âm dương, ngũ hành, kinh lạc trong Y học;</p> <p>CLO3: Hiểu được được các phương pháp khám theo Y học cổ truyền (vọng, vấn, vấn, thiết) và phương pháp chẩn đoán Bát pháp.</p> <p>CLO 4: Vận dụng các phương pháp khám theo Y học cổ truyền (vọng, vấn, vấn, thiết) và phương pháp chẩn đoán Bát pháp trong công tác chẩn đoán bệnh, phòng bệnh, bào chế thuốc, điều trị.</p>
Kỹ năng	
<p>- Kỹ năng thảo luận nhóm, tóm tắt các thông tin trong bài học, vận dụng kiến thức bài học để thảo luận, phản biện; thu thập và xử lý thông tin và kỹ năng báo cáo, trình bày.</p>	<p>CLO 5: Vận dụng kiến thức đã học và tìm hiểu bị các bản báo cáo trình bày học tập mang tính khoa học, phản biện để hiểu và truyền cảm và sáng tạo.</p> <p>CLO 6: Vận dụng kiến thức đã học vào kỹ năng chẩn đoán, điều trị</p>
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
<p>MT4: Rèn luyện ý thức trách nhiệm, tinh thần nỗ lực cá nhân và</p>	<p>CLO 7: Tự chủ và chịu trách nhiệm trước tổ/nhóm/lớp trong chuẩn bị bài học chung, hợp tác trong học tập</p>

hợp tác trong học tập. Rèn luyện tính kỷ luật trong học tập và công việc	mang tính kỷ luật cao.
--	------------------------

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR9	CDR11
Nội dung học thuyết âm dương		2					
Nội dung học thuyết ngũ hành							
Nội dung học thuyết kinh lạc		2					
Nội dung học thuyết tạng phủ		2					
Các nguyên nhân gây bệnh theo YHCT		2					
Tứ chẩn: Vọng, Văn, Vấn, Thiết			2			2	
Bát cương			2			2	
Các Hội chứng bệnh			2			2	2
Nguyên tắc điều trị và Bát pháp			2			2	2

6. Mô tả học phần/ mô đun (Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun)

Học phần Y lý y học cổ truyền đối tượng Dược là học phần bổ trợ, bao gồm: Học thuyết Âm dương, Học thuyết Ngũ hành, Học thuyết kinh lạc, Học thuyết tạng phủ; Các nguyên nhân gây bệnh theo y học cổ truyền; Các phương pháp chẩn đoán bệnh theo YHCT: Tứ chẩn, bát cương, các hội chứng bệnh, nguyên tắc điều trị YHCT và các nguyên tắc nghiên cứu kế thừa Y Dược cổ truyền. Sinh viên sau khi học xong thì trình bày được nội dung và ứng dụng của các học thuyết cơ bản trong Y học cổ truyền. Khám, chẩn đoán theo YHCT từ đó quy nạp và đưa ra các pháp điều trị YHCT; nghiên cứu kế thừa Y Dược cổ truyền trong bào chế dược liệu và công tác dược lâm sàng.

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học						Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)					Tự học (Giờ)	
	LT	TH	BT/ TL/KT	Thực tập	Tổng cộng		
Học thuyết âm dương	4						Đọc giáo trình, tài liệu tham khảo, trang website và chuẩn bị câu hỏi cho nội dung dạy để thảo luận tương tác
Học thuyết ngũ hành	4						
Học thuyết tạng phủ	4						
Học thuyết kinh lạc và nguyên nhân gây bệnh	4						
Tứ chẩn	4						
Bát cương	2						
Các hội chứng bệnh	4						
Nguyên tắc chữa bệnh và bát pháp:	4						

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

[1] Bộ môn Y lý Y học cổ truyền (năm 2021), *Bài giảng Lý luận Y học cổ truyền*, tài liệu lưu hành nội bộ. Học viện Y-Dược học cổ truyền Việt Nam -

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

[1] Bộ môn Y học cổ truyền (2016). *Bài giảng Y học Cổ truyền*, tập 1,2 Đại học Y Hà Nội, Nhà xuất bản Y học .

[2] Nguyễn Thiện Quyến (2020), *Cẩm nang đông dược*. , Nhà xuất bản Hồng Đức.

[3] Phạm Xuân sinh (201). *Dược học cổ truyền*, Nhà xuất bản Y học.

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần /buổi	Nội dung	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu, tự chuẩn bị bài trước (giờ)
		Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	HỌC THUYẾT ÂM DƯƠNG 1. Định nghĩa âm dương 2. Các quy luật, các cặp phạm trù của Học thuyết âm dương 3. Ứng dụng học thuyết âm dương trong Y học	4					
2	HỌC THUYẾT NGŨ HÀNH 1. Khái niệm ngũ hành 2. Các quy luật ngũ hành 3. Ứng dụng học thuyết ngũ hành trong Y học	4					
3	HỌC THUYẾT TẠNG TƯỢNG 1. Chức năng sinh lý của khí huyết tân dịch thân 2. Chức năng sinh lý của tạng, phủ 3. Mối quan hệ tạng phủ	4					
4	HỌC THUYẾT KINH LẠC 1. Khái niệm kinh lạc và hệ thống 12 đường kinh chính. Ứng dụng của học thuyết kinh lạc trong y học 2. Các nguyên nhân gây bệnh: nội nhân, ngoại nhân, bất nội ngoại nhân	4					
5	TỬ CHẨN 1. Các phương pháp khám: vọng chẩn, văn chẩn, vấn chẩn, thiết	4					

	chẩn						
6	BÁT CƯƠNG Biểu lý, hàn nhiệt, hư thực, âm dương và một số các hiện tượng lẫn lộn hàn nhiệt biểu lý	2					
7	HỘI CHỨNG BỆNH TẠNG PHỔI 1. Hội chứng bệnh giữa tạng với tạng 2. Hội chứng bệnh tạng với phủ	4					
8	NGUYÊN TẮC CHỮA BỆNH VÀ BÁT PHÁP 1. Các nguyên tắc chữa bệnh: chính trị, phản trị, cấp trị tiêu hoãn, hoãn trị bản, ... 2. Bát pháp	4					

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

Thuyết trình Động não Từng cặp /Chia sẻ Học dựa trên vấn đề

Hoạt động nhóm Đóng vai Học dựa vào dự án Mô phỏng

Nghiên cứu tình huống Thực hiện đồ án/ thực hành/thực tập

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ [CLO1] đến [CLO4].

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ [CLO1] đến [CLO5].

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CLO ... đến CLO ...

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học để đạt các chuẩn từ CLO5 đến CLO6

✓ Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM....

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

Có máy chiếu projector, máy tính, các tài liệu giảng dạy và tài liệu học tập

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phân được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

Sinh viên chuẩn bị slide bài giảng được hướng dẫn trước khi học thực hiện giảng dạy học phần

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần:

Tham gia học đầy đủ $\geq 80\%$ tổng số tiết của môn học

Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Điểm chuyên cần, học tập nhóm,, báo cáo, trình bày			
	Thảo luận nhóm, bài tập lớn..			
	Thực hành			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Test	100%	≥ 4	[CLO1] đến [CLO6]

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm thi test ≥ 4

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TTC Đào

TRƯỞNG KHOA

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Văn Quân
TS. Phạm Hải Hưng

Trần Thị Huyền Ngọc

GIÁM ĐỐC
Đào Xuân Cảnh



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT HÓA TRỊ LIỆU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 398 ngày 29 tháng 6 năm 2020
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ đại học - Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: HÓA TRỊ LIỆU
- * Tiếng Anh: Chemotherapy
- Mã học phần/ mô đun: PHARMA 4125
- Số tín chỉ: 2,0 (1,5 LT/0,5 TH)
- Đối tượng học (năm thứ): 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luyện tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Các môn học cơ sở ngành và Hóa dược 1, Hóa dược 2

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Lý thuyết: 23 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 52 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Hóa Dược

2. Thông tin về giảng viên



TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts Trần Văn Thanh	0913060926	thanhtv63@gmail.com
2	Ths Nguyễn Phương Dung	0914610555	dsphuongdung@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CĐR của CTĐT (X.x.x) [3] <i>(ghi ký hiệu CĐR cấp độ ... của chương trình đào tạo)</i>	Mức độ [4] <i>(thang đo trong tài liệu hướng dẫn)</i>
Mục tiêu chung	Hiểu được đặc điểm chung của các nhóm thuốc hóa trị liệu. Hiểu được một số hoạt chất hóa trị liệu cụ thể về các mặt: nguồn gốc, cấu tạo, tính chất lí hóa học, liên quan cấu trúc tác dụng, dược động học, cơ chế tác dụng, tác dụng, chỉ định. Vận dụng trong kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng một số hoạt chất hóa trị liệu cụ thể.		
MT 1: Mục tiêu về kiến thức:	- Hiểu được đặc điểm chung của các nhóm thuốc hóa trị liệu về : nguồn gốc, phân loại, đặc điểm cấu tạo chung, liên quan cấu trúc và tác dụng. - Hiểu được 1 số hoạt chất hóa trị liệu cụ thể về: nguồn gốc, cấu tạo, tính chất vật lý, tính chất hóa học, liên quan cấu trúc tác dụng, dược động học, cơ chế tác dụng, tác dụng, chỉ định.	CĐR 6,7	4
MT 2: Mục tiêu về kỹ	Vận dụng kiến thức đã học kiểm nghiệm được hoạt chất hóa trị liệu cụ thể.	CĐR 6,7	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
năng	Vận dụng kiến thức đã học hướng dẫn sử dụng hoạt chất hóa trị liệu cụ thể.		
MT 3: Mục tiêu về thái độ	Có năng lực đánh giá, giải quyết vấn đề kiểm nghiệm và hướng dẫn sử dụng hoạt chất hóa trị liệu trong thực tế	CDR 9,11	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973.

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
Kiến thức	
MT 1	CDR 1: Hiểu được đặc điểm chung của các nhóm thuốc hóa trị liệu về : nguồn gốc, phân loại, đặc điểm cấu tạo chung, liên quan cấu trúc và tác dụng.
	CDR 2: Hiểu được 1 số hoạt chất hóa trị liệu cụ thể về: nguồn gốc, cấu tạo, tính chất vật lý, tính chất hóa học, liên quan cấu trúc tác dụng, dược động học, cơ chế tác dụng, tác dụng, chỉ định.
	CDR 3: Hiểu được phương pháp kiểm nghiệm hoạt chất, biết cách sử dụng hoạt chất an toàn, hợp lý, hiệu quả.
Kỹ năng	
	CDR 4: Áp dụng được phương pháp kiểm nghiệm hoạt chất trong thực tiễn, biết cách phân tích vì sao

MT 2	sử dụng phương pháp kiểm nghiệm đó, biết liên hệ kiểm nghiệm đối với hoạt chất tương tự.
	CĐR 5: Hướng dẫn sử dụng hoạt chất hóa trị liệu an toàn, hợp lý, hiệu quả trong điều trị một số bệnh lý cụ thể
Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
MT 3	CĐR 6: Có năng lực đánh giá, giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế trong quá trình tiến hành kiểm nghiệm hoạt chất
	CĐR 7: Có năng lực tính toán, hiệu chỉnh liều lượng, chế độ dùng đối với 1 hoạt chất hóa trị cho các đối tượng khác nhau căn cứ trên đặc điểm hoạt chất và đặc điểm người bệnh

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Chương I: Thuốc điều trị ung thư nhóm hóa trị liệu							
Đại cương thuốc điều trị ung thư nhóm hóa trị liệu	2	2	2				
Thuốc điều trị ung thư nhóm các tác nhân liên kết chéo AND		3	3	3	3	3	3
Thuốc điều trị ung thư nhóm kháng chuyển hóa		3	3	3	3	3	3
Kháng sinh kháng ung thư		3	3	3	3	3	3
Hormon kháng ung thư		3	3	3	3	3	3

Một số nhóm thuốc điều trị ung thư khác		3	3	3	3	3	3
Chương II: Thuốc điều trị lao							
Đại cương thuốc điều trị lao	2	2	2				
Các nhóm thuốc điều trị lao			3	3	3	3	3
Chương III: Thuốc kháng virus							
Đại cương về thuốc kháng virus	2	2	2				
Thuốc điều trị virus cúm		3	3	3	3	3	3
Thuốc điều trị viêm gan B		3	3	3	3	3	3
Thuốc điều trị HIV		3	3	3	3	3	3
Thuốc điều trị virus Herpes		3	3	3	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun

Học phần bao gồm kiến thức về một số nhóm hoá trị liệu (hóa trị liệu ung thư, hóa trị liệu virus) về các mặt: nguồn gốc, đặc điểm cấu tạo đặc trưng, phân loại, liên quan giữa cấu trúc – tác dụng, tính chất lý, hóa học đặc trưng, ứng dụng trong kiểm nghiệm hoạt chất và giải thích được động học, cơ chế tác dụng. Đồng thời, cung cấp cho học viên một số thuốc điển hình trong mỗi nhóm hoá trị liệu trên.

Học phần giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản về hóa trị liệu trong điều trị, đặc biệt là hóa trị liệu ung thư để sinh viên đủ kiến thức tham gia trong các cơ quan hoạt động về Dược cần như: Bệnh viện, doanh nghiệp Dược, trường học, cơ quan quản lý Dược, cơ quan kiểm nghiệm Dược, cơ quan nghiên cứu Dược,...

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Hình thức tổ chức dạy học					Yêu cầu đối với sinh viên
	Lên lớp (Tiết)				Tổng cộng	
	LT	TH	BT/TL/KT			
Chương I: Thuốc						SV cần tự

điều trị ung thư nhóm hóa trị liệu							nghiên cứu bài học trước khi tham dự lớp học: - Nghiên cứu tình huống bài học theo nội dung giảng viên đã gửi trước - Trả lời các câu hỏi lượng giá trong giáo trình - Xây dựng câu hỏi cho từng nội dung trong bài để thảo luận, tương tác
Đại cương Thuốc điều trị ung thư	1	0			1	2	
Thuốc điều trị ung thư nhóm các tác nhân liên kết chéo AND	2	4				4	
Thuốc điều trị ung thư nhóm kháng chuyển hóa	2	4				4	
Kháng sinh kháng ung thư	2	1				4	
Hormon kháng ung thư	2	1				4	
Một số nhóm thuốc điều trị ung thư khác	1	1				2	
Chương II: Thuốc điều trị lao							
Đại cương thuốc điều trị lao	1						
Các nhóm thuốc điều trị lao	3						
Chương III: Thuốc kháng virus							
Đại cương về Thuốc kháng virus	1						
Thuốc điều trị virus cúm	1	0			2	1	
Thuốc điều trị viêm gan B	2	0			2	1	
Thuốc điều trị HIV	2	0			2		
Thuốc điều trị virus Herpes	1	0			1		
Tổng	23	15					

Ghi chú: LT: Lý thuyết; BT: Bài tập; TL, KT: Thảo luận, kiểm tra; TH: Thực hành,

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ môn Hóa Dược – Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (2018): *Hóa trị liệu, tài liệu lưu hành nội bộ*

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ y tế (2009), Dược thư quốc gia Việt Nam, Nhà xuất bản Y học
2. Tào Duy Cần (2011), Thuốc bệnh 24 chuyên khoa, Nhà xuất bản Y học
3. Nguyễn Xuân Thắng (2010), Dược lý phân tử, Nhà xuất bản Y học
4. Bộ y tế (2014), Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định, Nhà xuất bản Y học
5. MIMS cẩm nang sử dụng thuốc (2020)

9. Kế hoạch giảng dạy lý thuyết

Tuần	Giảng viên lên lớp (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Lý thuyết	Kiểm tra	Bài tập	Thảo luận	Các hình thức khác	
1	4		0	0		10
2	4					10
3	4					8
4	4					8
5	4					8
6	3					8

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập áp dụng cho học phần/ mô đun

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 3
- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 4 đến CDR 5
- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 6 đến CDR 7

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 6 đến CDR 7

Cách thức giảng dạy: phương pháp giảng dạy trực tiếp, trong điều kiện có thể chuyển sang phương pháp giảng dạy online sử dụng LMS, ZOOM tùy tình hình thực tế.

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy học phần/ mô đun:

. Giảng đường đáp ứng yêu cầu về diện tích theo số lượng sinh viên. Giảng đường đảm bảo ánh sáng, đầy đủ các thiết bị hỗ trợ việc thuyết trình và tương tác như máy chiếu, màn chiếu kết nối được với máy tính, mạng internet không dây.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

- Thực hiện các bài kiểm tra thường xuyên, thi kết thúc học phần

- Điều kiện dự thi kết thúc học phần: số tiết tham dự trên lớp tối thiểu đạt 80 %; các bài thực hành tại phòng thí nghiệm và học lâm sàng phải đạt 100% số buổi có mặt tham gia.

Sinh viên phải hoàn thành các bài tập và đạt điểm 4/10 trở lên; tham gia đủ và đạt điểm 4/10 trở lên đối với các bài kiểm tra trên lớp.

✓ Trong quá trình học tập, sinh viên được khuyến khích đặt câu hỏi phản biện, trình bày quan điểm, các ý tưởng sáng tạo mới dưới nhiều hình thức khác nhau.

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CĐR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
2	Điểm thi kết thúc học phần/ mô đun			
	Trắc nghiệm trên máy tính	100%	Theo đáp án, thang điểm của đề	CĐR 1 đến CĐR 7

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của Điểm quá trình (Điểm đánh giá quá trình) và Điểm thi kết thúc học phần (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

Đanh

TRƯỞNG KHOA

Nguyễn Văn Thanh
Nguyễn Văn Thanh

BỘ MÔN/MÔ ĐUN

Thanh
Trần Văn Thanh

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
THỰC HÀNH HÓA TRỊ LIỆU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số ngày tháng năm 20
của Giám đốc Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam)

Đối tượng đào tạo: Dược sĩ Đại học; Mã số đào tạo: 7720201

1. Thông tin tổng quát về học phần/ mô đun

- Tên học phần/ mô đun:
- * Tiếng Việt: Hóa trị liệu
- * Tiếng Anh:
- Mã học phần/ mô đun: PHARMA 4125
- Số tín chỉ thực hành/ lâm sàng: 0.5
- Đối tượng học (năm thứ): Năm thứ 4
- Vị trí của học phần/ mô đun trong chương trình đào tạo

Kiến thức giáo dục đại cương <input type="checkbox"/>		Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp <input type="checkbox"/>				Thực tập và khóa luận tốt nghiệp <input type="checkbox"/>
		Kiến thức cơ sở ngành <input type="checkbox"/>		Kiến thức ngành <input type="checkbox"/>		
Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc <input type="checkbox"/>	Tự chọn <input type="checkbox"/>	Bắt buộc x	Tự chọn <input type="checkbox"/>	

- Các học phần tiên quyết/học trước: Các môn học cơ sở ngành và Hóa dược 1, Hóa dược 2

- Số tiết đối với các hoạt động học tập: tiết

+ Thực hành: 15 tiết

+ Bài tập: 0 tiết

+ Thảo luận, hoạt động nhóm: 0 tiết

+ Kiểm tra: 0 tiết

+ Thời gian tự học: 10 giờ

- Đơn vị phụ trách học phần/mô đun: Bộ môn Hóa Dược

2. Thông tin về giảng viên

TT	Học hàm, học vị, họ và tên	Số điện thoại	Email
1	Ts Trần Văn Thanh	0913060926	thanhtv63@gmail.com
2	Ths Nguyễn Phương Dung	0914610555	dsphuongdung@gmail.com

3. Mục tiêu của học phần/ mô đun (ký hiệu: MT)

Sinh viên học xong học phần này đạt được các mục tiêu kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức, năng lực tự chủ và trách nhiệm sau:

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
Về kiến thức	MT1: Sinh viên biết vận dụng lý thuyết để giải thích các phản ứng trong định tính, định lượng, thử tinh khiết các hoạt chất nằm trong nhóm thuốc điều trị ung thư	CDR 6,7	4
	MT2: Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị của nhóm thuốc điều trị ung thư	CDR 6,7	4
	MT3: Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình bệnh nhân sử dụng thuốc điều trị ung thư	CDR 6,7	4
Về kỹ năng	MT4. Thành thạo trong thao tác, tìm kiếm tư liệu và xây dựng phương pháp kiểm nghiệm hoạt chất nằm trong nhóm thuốc điều trị ung thư	CDR 6,7	3
	MT5: Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả, tác dụng phụ của những hoạt chất sử dụng để điều trị ung thư	CDR 6,7	3
	MT6: Linh hoạt trong lựa chọn và	CDR 6,7	3

2 Mục tiêu (Gx) [1]	Mô tả mục tiêu [2] (Các mục tiêu dưới đây tùy thuộc theo nội dung của từng học phần)	CDR của CTĐT (X.x.x) [3] (ghi ký hiệu CDR cấp độ ... của chương trình đào tạo)	Mức độ [4] (thang đo trong tài liệu hướng dẫn)
	phân tích vai trò của thuốc điều trị ung thư ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.		
Về mức độ tự chủ và trách nhiệm	MT7: Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc kiểm nghiệm và sử dụng thuốc điều trị ung thư, nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc điều trị ung thư	CDR 9,11	4

[1]: Ký hiệu mục tiêu của học phần. [2]: Mô tả mục tiêu bao gồm các động từ chủ động, các chủ đề CDR (X.x.x) của học phần và bối cảnh áp dụng tổng quát. [3], [4]: Ký hiệu CDR của CTĐT và trình độ năng lực tương ứng được phân bổ cho học phần (sử dụng mức độ đánh giá theo phân loại theo các thang đo như sau Kiến thức: Bloom 2001; Kỹ năng: Dave 1975; Mức độ tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp: Krathwohl 1973).

4. Chuẩn đầu ra của học phần/ mô đun (ký hiệu: CDR)

Mục tiêu học phần/ mô đun	CDR của học phần/ mô đun
MT1	CDR1: Sinh viên biết vận dụng lý thuyết để giải thích các phản ứng trong định tính, định lượng, thử tinh khiết các hoạt chất nằm trong nhóm thuốc điều trị ung thư
MT2	CDR 2: Phân tích và đánh giá được Chỉ định - Chống chỉ định - Thận trọng - Các hình thức tương tác và phối hợp thuốc trong điều trị của nhóm thuốc điều trị ung thư
MT3	CDR3: Đánh giá và đề xuất cũng như linh hoạt được các cách thức xử lý - Phòng tránh các biến cố có thể xảy ra trong quá trình bệnh nhân sử

	dụng thuốc điều trị ung thư
MT4	CĐR 4: Thành thạo trong thao tác, tìm kiếm tư liệu và xây dựng phương pháp kiểm nghiệm hoạt chất nằm trong nhóm thuốc điều trị ung thư
MT5	CĐR 5: Xác định và đánh giá/dự đoán được hiệu quả, tác dụng phụ của những hoạt chất sử dụng để điều trị ung thư
MT6	CĐR 6: Linh hoạt trong lựa chọn và phân tích vai trò của thuốc điều trị ung thư ở mọi tình huống/điều kiện lâm sàng.
MT7	CĐR 7: Đảm bảo và phát huy được vai trò và nhiệm vụ của người dược sĩ trong việc kiểm nghiệm và sử dụng thuốc điều trị ung thư, nhằm mục đích tối ưu hóa hiệu quả điều trị theo y lệnh của bác sĩ và giảm thiểu các biến cố cũng như sai sót trong quá trình sử dụng thuốc điều trị ung thư

5. Ma trận mức độ đóng góp của nội dung giảng dạy để đạt được chuẩn đầu ra của học phần/mô đun

Mức 1: Thấp;

Mức 2: Trung bình ;

Mức 3: Cao

Nội dung học phần/ mô đun	Chuẩn đầu ra học phần/ mô đun						
	CĐR1	CĐR2	CĐR3	CĐR4	CĐR5	CĐR6	CĐR7
Bài 1: Thuốc điều trị ung thư nhóm tá nhân liên kết chéo DNA - Tra cứu, xác định độ ổn định của hoạt chất cụ thể. - Làm bài tập tình huống	3	2	3	2	3	3	3
Bài 2: Thuốc điều trị ung thư nhóm kháng chuyển hóa - Xây dựng qui trình pha chế 1 hoạt chất cụ thể - Làm bài tập tình huống	3	2	3	2	3	3	3

Bài 3: Thuốc điều trị ung thư nhóm kháng sinh và các alkaloid điều trị ung thư - Tư vấn sử dụng thuốc hóa trị liệu - Làm bài tập tình huống	3	2	3	2	3	3	3
Bài 4: Thuốc điều trị ung thư nhóm hướng mục tiêu - Tư vấn sử dụng thuốc hóa trị liệu - Làm bài tập tình huống	3	2	3	2	3	3	3

6. Mô tả học phần/ mô đun – Phần thực hành/ lâm sàng (*Vị trí, vai trò của học phần/ mô đun đối với chương trình đào tạo, những mục đích và nội dung chính yếu của học phần/ mô đun*)

Học phần giúp sinh viên thành tạo kiến thức và kỹ năng trong kiểm nghiệm cũng như sử dụng hoạt chất hóa trị liệu trong điều trị, đặc biệt là hóa trị liệu ung thư để sinh viên đủ kiến thức tham gia trong các cơ quan hoạt động về Dược cần như: Bệnh viện, doanh nghiệp Dược, trường học, cơ quan quản lý Dược, cơ quan kiểm nghiệm Dược, cơ quan nghiên cứu Dược,...

7. Nội dung chi tiết học phần/ mô đun

Nội dung	Thời gian thực tập (tiết)	Thời gian tự học (giờ)	Yêu cầu đối với sinh viên
Bài 1: Seminar Thuốc điều trị ung thư nhóm tá nhân liên kết chéo DNA - Tra cứu, xác định độ ổn định của hoạt chất cụ thể. - Làm bài tập tình huống	4	3	- Đọc đề cương học phần - Chuẩn bị học liệu theo hướng dẫn - Thảo luận theo nhóm, thuyết trình, trả lời câu hỏi của giảng viên

Bài 2: Seminar Thuốc điều trị ung thư nhóm kháng chuyển hóa - Xây dựng qui trình pha chế 1 hoạt chất cụ thể - Làm bài tập tình huống	4	3	- Đọc đề cương học phần - Chuẩn bị học liệu theo hướng dẫn - Thảo luận theo nhóm, thuyết trình, trả lời câu hỏi của giảng viên
Bài 3: Seminar Thuốc điều trị ung thư nhóm kháng sinh và các alkaloid điều trị ung thư - Tư vấn sử dụng thuốc hóa trị liệu - Làm bài tập tình huống	4	2	- Đọc đề cương học phần - Chuẩn bị học liệu theo hướng dẫn - Thảo luận theo nhóm, thuyết trình, trả lời câu hỏi của giảng viên
Bài 4: Seminar Thuốc điều trị ung thư nhóm hướng mục tiêu - Tư vấn sử dụng thuốc hóa trị liệu - Làm bài tập tình huống	3	2	- Đọc đề cương học phần - Chuẩn bị học liệu theo hướng dẫn - Thảo luận theo nhóm, thuyết trình, trả lời câu hỏi của giảng viên

8. Tài liệu học tập

8.1. Tài liệu chính (TLC)

Bộ môn Hóa Dược, Học viện YDHCT Việt Nam (2018), Giáo trình thực hành Hóa Dược, tài liệu lưu hành nội bộ.

8.2. Tài liệu tham khảo (TLTK)

1. Bộ y tế (2009), Dược thư quốc gia Việt Nam, Nhà xuất bản Y học
2. Tào Duy Cần (2011), Thuốc bệnh 24 chuyên khoa, Nhà xuất bản Y học
3. Nguyễn Xuân Thắng (2010), Dược lý phân tử, Nhà xuất bản Y học
4. Bộ y tế (2014), Tương tác thuốc và chú ý khi chỉ định, Nhà xuất bản Y học
5. MIMS cẩm nang sử dụng thuốc (2020)

8.3. Phần mềm:

Tra cứu tương tác thuốc online:

9. Kế hoạch giảng dạy thực hành, lâm sàng

Tuần	Giờ giảng của giảng viên (giờ)					Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (giờ)
	Thực hành/ lâm sàng	Kiểm tra	Bài tập	Các hình thức khác		
1	4					3
2	4					3
3	4					2
4	3					2

10. Các phương pháp giảng dạy và học tập thực hành/ lâm sàng đạt các chuẩn từ CDR 1 đến CDR 7

Sử dụng kết hợp các phương pháp: Thuyết trình, Phát vấn, Làm việc nhóm

- Thuyết trình: Mục đích để cung cấp kiến thức giúp sinh viên đạt các chuẩn về kiến thức từ CDR 1 đến CDR 3

- Tổ chức hoạt động nhóm: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội, củng cố, mở rộng kiến thức và rèn luyện kỹ năng phân tích, thuyết trình, tư duy phản biện để đạt các chuẩn từ CDR 4 đến CDR 5

- Nghiên cứu tình huống: Mục đích giúp sinh viên vận dụng kiến thức lý thuyết để đề ra các giải pháp, biết ước lượng và phân tích định tính các tình huống để đạt các chuẩn từ CDR 6 đến CDR 7

- Hướng dẫn sinh viên tự học, đọc tài liệu và làm bài tập: Mục đích giúp sinh viên lĩnh hội kiến thức và rèn luyện năng lực tự học, tự nghiên cứu để đạt các chuẩn từ CDR 6 đến CDR 7

11. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần/ mô đun

11.1. Yêu cầu của giảng viên về điều kiện tổ chức giảng dạy thực hành/ lâm sàng:

Đầy đủ ánh sáng, diện tích phù hợp với số lượng sinh viên. Đủ các thiết bị máy chiếu, màn chiếu, máy tính kết nối internet, các bản quyền để truy cập các phần mềm cần thiết cho buổi thảo luận.

11.2. Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên

(các quy định của học phần (nếu có), ví dụ: sinh viên không nộp bài tập và bài báo cáo đúng thời hạn, được coi như không nộp bài; sinh viên vắng 2 buổi thực hành trở lên, không được phép dự thi cuối kỳ...).

- Dự lớp: Sinh viên có trách nhiệm tham dự đầy đủ 100% các buổi học. Nghe giảng và nghe hướng dẫn học tập; Trong trường hợp nghỉ học do lý do bất khả kháng thì phải có giấy tờ chứng minh đầy đủ và hợp lý.

✓ Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.

✓ Sinh viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên đi trễ quá 15 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.

✓ Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

✓ Tuyệt đối không được ăn uống, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.

- Bài tập: Chuẩn bị trả lời các câu hỏi, làm báo cáo, thuyết trình theo yêu cầu của giảng viên và thảo luận nhóm

- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo để chuẩn bị bài theo hướng dẫn của giảng viên

12. Phương pháp đánh giá học phần

12.1. Thang điểm và cách tính điểm đánh giá

Điểm đánh giá bộ phận và điểm học phần được tính theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế hiện hành.

12.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số điểm	Tiêu chí đánh giá	CDR của học phần/mô đun
1	Điểm đánh giá quá trình			
	Báo cáo bài tập và nội dung thảo luận (Từ bài 1- bài 3)		Theo tiêu chí đánh giá thang điểm báo - Đạt - Không đạt	CDR 1 đến CDR 7
2	Điểm thi kết thúc thực hành/ lâm sàng			
	Chấm bài tập (Bài 4)	100 %	- Thang điểm 10 - Theo đáp án, của yêu cầu	CDR1 đến CDR 7

			báo cáo và sản phẩm	
--	--	--	---------------------	--

12.3. Điểm học phần/ mô đun

Điểm học phần là điểm trung bình chung theo trọng số tương ứng của *Điểm quá trình* (Điểm đánh giá quá trình) và *Điểm thi kết thúc học phần* (Điểm đánh giá cuối kỳ).

12.4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN

- ✓ Khoa, Bộ môn phổ biến Đề cương chi tiết cho toàn thể giảng viên thực hiện.
- ✓ Giảng viên phổ biến Đề cương chi tiết cho sinh viên vào buổi học đầu tiên của học phần/ mô đun.
- ✓ Giảng viên thực hiện theo đúng Đề cương chi tiết đã được duyệt.

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

BAN GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA

BỘ MÔN/MÔ ĐUN



Nguyễn Văn Thanh
Nguyễn Văn Thanh

Thanh
Điền Văn Thanh

GIÁM ĐỐC
Đậu Xuân Cảnh

